

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- SÔNG LAM

Organization name: SAI GON – SONG LAM BEER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Stock symbol: BSL*
- Địa chỉ: Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
Address: Hamlet 1, Hung Dao Commune, Hung Nguyen Rural District, Nghe An Province.
- Số điện thoại/Telephone: 02388.662.662
- Fax: 02388. 662.664

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo thường niên năm 2024 được công bố trên trang điện tử của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam vào ngày 19/03/2025 tại đường dẫn:

The 2024 Annual Report is disclosed on Sai Gon – Song Lam Beer Joint Stock Company website on March 19, 2025 at the link below:

<https://sasobeco.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- Lưu/Saved: Thư ký/Secretary.

**Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin
Organization representative authorized person to
disclose information**



Đặng Việt Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - SÔNG LAM

Trụ sở chính: Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (02388) 662 662 Website: <http://sasobeco.com.vn/>

Mã số Doanh nghiệp: 2900783332

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

ANNUAL REPORT 2024

I. THÔNG TIN CHUNG:

GENERAL INFORMATION

1. Thông tin khái quát

Company's Overview

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- SÔNG LAM
Company name	SAI GON – SONG LAM JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt/ Abbreviated name	SASOBECO
Địa chỉ	: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
Address:	Hamlet 1, Hung Dao Commune, Hung Nguyen Rural District, Nghe An Province.
Số ĐKKD:	: 2900783332, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An thay đổi lần thứ 8 ngày 05/09/2023.
Number of Business Registration:	: 2900783332 issued by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province, the 8 st changed on September 05, 2023.
Vốn điều lệ	: 450.000.000.000 đồng.
Charter capital	: VNĐ 450,000,000,000
Số điện thoại/ Telephone	: 02388.662.662
Số Fax	: 02388.662.664
Website	:
Mã cổ phiếu/ Stock ticker	: BSL
Sàn giao dịch/ Stock exchange	: Upcom

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process:

Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077.

December 20, 2006: Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company was established under Business Registration Certificate No. 2703001077.

Từ 2007 – tháng 6/2009: Công ty tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam khu vực Rú Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

2007 – June 2009: The company conducted preparatory procedures for the investment and construction of the Saigon – Song Lam Beer Factory in the Ru Muou area, located in Nam Giang commune, Nam Dan district, and Hung Dao commune, Hung Nguyen district, Nghe An province

Ngày 13/07/2009: Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam được chính thức triển khai xây dựng với

tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế, chế tạo và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và dự phòng mở rộng lên 200 triệu lít/năm.

July 13, 2009: The construction of the Saigon – Song Lam Beer Factory officially commenced, with a Phase 1 project investment totaling VND 1,045 billion, of which VND 859.797 billion was allocated to equipment. The factory's design, manufacturing, and construction were undertaken by the German contractor Kroness AG. The designed capacity was 100 million liters/year, with provisions for expansion to 200 million liters/year.

Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển Công ty luôn luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

August 12, 2010: The factory produced its first commercial batch of beer.

Throughout its establishment and development, the company has consistently received direct leadership and guidance from Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO).

Ngày 16/06/2017: Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu BSL.

June 16, 2017: Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company shares (ticker symbol: BSL) were officially traded on the UPCOM stock exchange for the first time.

Năm 2020 đến nay: Dù gặp nhiều khó khăn từ những tác động lâu dài của ND-100/2019/ ND-CP và cả những ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 nhưng BSL vẫn giữ vững được vị thế trên thị trường.

2020 – Present: Despite significant challenges stemming from the long-term effects of Decree 100/2019/ND-CP and the impact of the COVID-19 pandemic, BSL has maintained its market position.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and location*

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.

Business lines: Production and business of beer, wine, and non-alcoholic beverages; trading of raw materials, supplies, spare parts, and other industries in accordance with the law

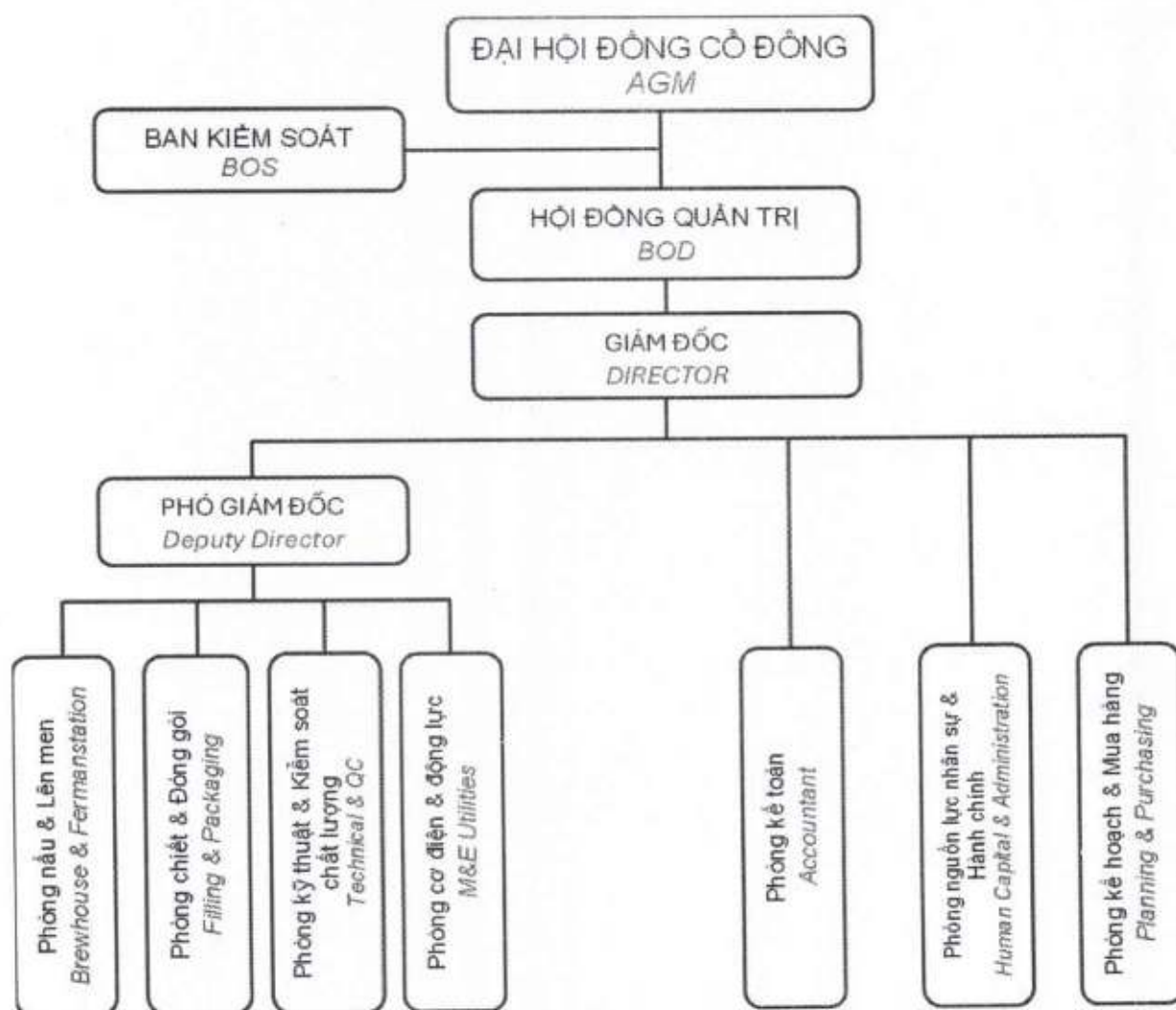
Địa bàn kinh doanh: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Location of business: Hamlet 1, Hung Dao Commune, Hung Nguyen Rural District, Nghe An Province

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Governance model, business organization and management.*

Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure



4. Định hướng phát triển/ Development orientation

Các mục tiêu chủ yếu/ Company's main objectives

a. Tăng cường quản lý công tác sản xuất - giao hàng/ Strengthen production and delivery management

Không ngừng cải tiến công nghệ, đồng bộ hệ thống dây chuyền sản xuất, thiết bị đảm bảo ổn định chất lượng sản phẩm và cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng;

Constantly upgrading technology, synchronizing production lines, equipment, ensuring stable product quality, and committing to launch to the market Saigon Beer products with the best quality;

Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng tại từng công đoạn trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng;

Strictly controlling economic and technical standards of materials, and energy in production; adopting technical solutions to save materials and energy simultaneously;

Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018; Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn theo HACCP CODEX REV.2022; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001:2018 và Phòng kiểm nghiệm

được công nhận phù theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh;

The company applies and maintains quality management systems in compliance with ISO 9001:2015, food safety management systems according to ISO 22000:2018, The Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP) system according to HACCP CODEX REV.2022, the Environmental Management System in compliance with ISO 14001:2015, the Energy Management System following ISO 50001:2018, and the accredited laboratory meeting ISO/IEC 17025:2017 standards contribute significantly to enhancing efficiency in monitoring and managing production and business operations.

Phối hợp cùng đơn vị thương mại, vận tải giao hàng để đạt kế hoạch S&OP, giảm thời gian lưu kho bia; đồng thời phối hợp trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm theo chủ trương SABECO nhằm tăng mức tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực mà Công ty giao hàng, nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn;

Coordinating with trading and transportation units to achieve the S&OP plan, reducing beer storage time; simultaneously collaborating on product branding activities in line with SABECO's policy to increase product consumption in the areas where the Company delivers, thereby enhancing the Saigon Beer brand.

b. Tổ chức quản lý và phát triển nguồn nhân lực/ *Management Organization and Development of Human Resources*

Tinh gọn bộ máy quản lý, củng cố sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động bằng cách duy trì chính sách quản lý, đánh giá hiệu quả công việc, phân phối lương thưởng và phúc lợi cho người lao động theo hệ số hoàn thành công việc (KPIs).

Lean Management, strengthening cohesion and improving labor productivity by maintaining management policies, evaluating work performance, making the regulations on the distribution of wages, bonuses, and benefits to employees by key performance indicators (KPIs)

Nâng cao năng lực của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo hàng năm.

Improve employee capacity through deploying annual training programs.

c. Tối ưu chi phí tài chính, gia tăng hiệu quả kinh doanh/ *Optimizing financial expenses, increase business efficiency*

Hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và luân chuyển dòng tiền hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính.

Strengthening practice of business operational budget controlling, enhancing management and circulating cash flows appropriately, saving financial expenses;

Cẩn trọng sử dụng đòn bẩy tài chính, hạn chế nợ vay, đảm bảo tình hình tài chính Công ty ổn định, tạo nền tảng cho sự phát triển trong sản xuất kinh doanh và đầu tư

Being cautious about financial leverage, limiting debt, ensuring a stable financial situation for the Company, and creating a foundation for the Company's development in production, business, and investment

d. Chính sách chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường và tiết kiệm năng lượng/ *Policies on quality, food safety, environment, and energy*

Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện và duy trì chính sách;

The Company is committed to provide adequate resources to organize, implement and maintain the policies on;

Sản xuất và cung cấp các sản phẩm Bia Sài Gòn đạt chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn SABECO quy định;

Producing & supplying Saigon Beer products of quality; ensuring food safety and hygiene in consistency with SABECO standards.

Cam kết thực hiện nhất quán với Chính sách Môi trường, Chính sách phát triển bền vững, Chính sách quản lý nguồn nước do SABECO ban hành thông qua các hoạt động:

Being committed to consistent implementation with the Environmental Policy, Sustainable Development Policy, Water Resource Management Policy issued by SABECO through the following activities:

- + Chấp hành luật pháp hiện hành của Nhà nước, các chế định của các tổ chức chuyên ngành có liên quan.

Complying with the State's prevailing laws and regulations imposed by relevant specialized organizations.

- + Thực hiện tốt việc kinh doanh của Công ty cũng như quản trị rủi ro trên tất cả các khía cạnh có ảnh hưởng đến vận hành doanh nghiệp.

Complying with the State's prevailing laws and regulations imposed by relevant specialized organizations

- + Phát huy ý nghĩa của việc bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường như văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

Promoting the meaning of resource preservation and environmental protection as a part of the Company's corporate culture

- + Cố gắng giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đến nguồn tài nguyên nước trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày cũng như trong chiến lược kinh doanh của Công ty bằng cách thực hành sử dụng tài nguyên nước, nguyên vật liệu sản xuất, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: đặt mục tiêu cụ thể về giảm lượng nước tiêu thụ, giảm mức tiêu hao năng lượng, giảm khí thải gây ô nhiễm môi trường, giảm lượng nước thải và rác thải.

Making our best efforts to minimize negative impacts on the environment, and water resources in all daily business activities as well as in the Company's business strategy by using water resources, production materials, and energy in an economical and efficient manner; setting specific goals on reducing water consumption, energy consumption, and emissions causing environmental pollution, as well as sewage and waste.

Định kỳ xem xét và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý, cải tiến công nghệ, thiết bị, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống để gia tăng sự thoả mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Periodically reviewing and frequently improving the management system, improving technology, and equipment, and using environmentally friendly materials to enhance the effectiveness and efficiency of the system to increase satisfaction of the customers' requirements.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Medium and long-term development strategies.

Gia tăng hiệu quả hoạt động của các nhà máy trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị hiện đại.

Increasing the operational efficiency of the breweries based on modern technical infrastructure and equipment

Chung tay cùng SABECO phát triển thương hiệu Bia Sài Gòn, giữ vững và phát triển thị phần Bia Sài Gòn trong khu vực.

Together with SABECO to develop the Saigon Beer brand, firmly sustain Sai Gon Beer market share regionally and internationally;

Mang lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.

Bringing about practical benefits to the shareholders, customers, partners, laborers, and society;

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng suất và chất lượng, chú trọng đến sức khỏe và đời sống người lao động, tạo mọi điều kiện để nhân tài gắn bó, sáng tạo và cống hiến.

Developing a friendly, productive working environment, attaching importance to the laborers' health and lives, facilitating the talents to be committed, creative and dedicated;

Sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, hướng đến phát thải bằng 0 theo định hướng của tập đoàn trong tương lai.

Associating production with environmental protection, aiming for zero emission in accordance with the Corporation's future orientation.

Hoạt động cộng đồng, xã hội/ Community and societal activities

Không chỉ nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, CTCP Bía Sài Gòn – Sông Lam còn luôn đi đầu trong công tác an sinh xã hội. Sự phát triển của Công ty không chỉ đóng góp tích cực về mặt kinh tế cho địa phương mà còn song hành cùng những hoạt động xã hội ý nghĩa.

Not only great endeavor to improve its business and production efficiency has been made, Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company always at the forefront of the social security work. The development of the Company not only makes positive economic contributions to the locality but it also goes hand in hand with meaningful societal

Các rủi ro/ Risk factors

Rủi ro kinh tế/ Economic risk

Trong năm 2024, hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp đã phải đối diện với những khó khăn chung của nền kinh tế. Vấn đề này xuất phát từ tình hình bất ổn của chính trị toàn cầu gây ra sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và sự tăng giá xăng, dầu kéo theo việc gia tăng giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là malt, vỏ lon nhôm,... Không những thế, xung đột Nga - Ukraine và các nước Trung Đông đã làm chậm quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, tạo ra tình trạng gián đoạn trong nguồn cung và đẩy giá hàng hóa trên toàn cầu tăng lên đột ngột. Tất cả những yếu tố này đã ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào, gây ra tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

In 2024, Enterprises have to cope with their production and commercial operations affected by broader economic challenges. This problem derives from political instability worldwide causing disruptions in the supply chain, leading to an increase in gasoline and oil prices, the price of input materials, especially malt and aluminum cans,...In addition, the conflict between Russia Ukraine and Middle Eastern countries has slowed down the post-pandemic economic recovery after the Covid 19 pandemic, leading to supply disruptions, and pushing up global commodity prices sharply higher. These factors did put an indirect effect on the cost of input materials, thereby causing a major effect on the Company's production and business activities

Bên cạnh đó, rủi ro suy thoái kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân và doanh nghiệp khiến cho nhu cầu tiêu dùng của người dân giảm mạnh. Ngành công nghiệp đồ uống ở Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn. Từng là nước tiêu thụ bia lớn nhất Đông Nam Á nhưng trong năm 2024, doanh số bán bia giảm 10 - 20% trong khi giá nguyên vật liệu có mặt hàng tăng đến 50%.

Furthermore, the risk of an economic downturn has a direct impact on individuals' and enterprises' income, which lowers the consumers' demand. The beverage industry in Vietnam also faces many difficulties. Once being the Southeast Asia's largest beer consumption, in 2024, beer sales has decreased by 10-20% while the cost of raw material for some products has increased up to 50%

Đề đối mặt với bối cảnh kinh tế vẫn còn đầy thách thức và khó khăn, Công ty đã tập trung vào công tác quản lý rủi ro và đề xuất các kế hoạch linh hoạt để thích nghi với tình hình kinh tế hiện tại, ưu tiên kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, tối ưu hóa kế hoạch sản xuất mà vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu thị trường.

Amid the context of the economic volatility, the Company always prioritizes its focus on risk management and proposed plans to adapt to the current economic situation, prioritizes control of raw material costs, optimizes production plans while ensuring the market's demand.

Rủi ro pháp luật/ Legal risks

CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh ở Việt Nam và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như: Luật Lao Động, Luật Kế toán, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, các Nghị định, Thông tư liên quan đến việc công bố thông tin, ...

Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company operates as a manufacturing and trading enterprise in Vietnam, structured as a joint stock company. It is listed on the Hanoi Stock Exchange, making the company subject to various legal frameworks, including the Labor Law, Accounting Law, Enterprise Law, Securities Law, as well as decrees and circulars related to information disclosure and other regulatory requirements.

Ngoài ra, công ty cũng chịu sự chi phối của một số văn bản pháp luật có liên quan đến ngành nghề sản xuất kinh doanh như: Nghị định 100/2019/ NĐ-CP quy định xử phạt hành chính với người uống rượu, bia điều khiển phương tiện tham gia giao thông, Nghị định 24/2020/NĐ – CP đã đưa ra những quy định về luật phòng chống tác hại của rượu bia. Những nghị định trên đã gây ra ảnh hưởng lớn đối với các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh rượu bia.

Additionally, the company is governed by several legal documents related to its production and business sector, such as Decree 100/2019/NĐ-CP, which imposes administrative penalties on individuals who drive under the influence of alcohol or beer, and Decree 24/2020/NĐ-CP, which outlines regulations under the Law on Prevention and Control of Alcohol-Related Harm. These decrees have significantly impacted businesses in the alcohol and beer production industry.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật trong kinh doanh, Công ty luôn duy trì và cập nhật thường xuyên các thay đổi trong quy định, luật lệ nhằm đảm bảo sự ổn định. Bởi vì, mọi sự biến đổi liên quan đến pháp luật về ngành hàng có liên quan đều có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Recognizing the importance of legal compliance in business, the Company consistently monitors and updates changes in regulations and legislation to assure stability. Because the Company's business operations will be greatly impacted by any changes related to the law pertaining to relevant industries.

Rủi ro cạnh tranh/Competitiveness Risk

Việt Nam là một trong những nước có lượng tiêu thụ rượu bia hàng đầu. Tuy nhiên, điều này cũng đồng nghĩa với sự cạnh tranh khốc liệt từ nhiều thương hiệu nổi tiếng chiếm thị phần lớn.

Vietnam is among the leading countries in alcohol and beer consumption. However, this also means fierce competition from major brands that dominate the market.

Sự cạnh tranh trên thị trường bia đặc biệt khốc liệt, dẫn đến nguy cơ các doanh nghiệp bị tụt lại phía sau, kể cả những thương hiệu bia lớn trên toàn cầu đều gặp khó khăn trong việc duy trì thị phần tại Việt Nam. Vì thế, Công ty luôn nỗ lực duy trì và củng cố vị thế của mình bằng việc phát triển thương hiệu với sản phẩm có thiết kế hấp dẫn, chất lượng đáp ứng đúng nhu cầu của khách hàng. Song song đó cùng SABECO quyết tâm đưa Bia Sài Gòn trở thành lựa chọn hàng

đầu của người tiêu dùng Việt.

The fierce competitive of beer market increases the risk of enterprises falling behind, even large worldwide beer brands struggle to maintain their market share in Vietnam. As a result, the company has always endeavored to maintain and reinforce its position by developing its brand with appealing designs and high-quality products that fulfill the customers' needs. Meanwhile, it is determined to make Saigon Beer to be the first choice of Vietnamese consumers.

Trên thị trường cạnh tranh như ngày nay, sự đổi mới liên tục và chiến lược quản lý hiệu quả không chỉ giúp CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam vượt qua thách thức mà còn giữ vững vị thế trong tâm trí của người tiêu dùng, đồng thời góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp đồ uống Việt Nam.

In today's competitive market, continuous innovation and effective management strategies not only enable Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company to overcome challenges but also help maintain its position in consumers' minds while contributing to the sustainable development of Vietnam's beverage industry.

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào/ Input material price risk

Hoạt động kinh doanh, sản xuất chính của Công ty là sản xuất bia với những nguyên liệu chủ yếu như Malt bia, gạo, hoa Houblon. Do đặc điểm khí hậu không phù hợp nên hiện tại Việt Nam vẫn chưa trồng được Malt bia vậy nên đa phần các nguyên liệu đều được nhập từ nước ngoài. Giá của các nguyên liệu có thể biến động mạnh do nhiều yếu tố như thời tiết, biến động thị trường toàn cầu và các vấn đề về bên đối tác cung cấp. Sự thay đổi này có thể tác động đáng kể đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Để giảm thiểu rủi ro, công ty chú trọng vào việc đa dạng hóa nguồn cung, thường xuyên giữ mối quan hệ với nhà cung cấp đồng thời đầu tư vào công nghệ và quy trình sản xuất hiện đại để làm giảm ảnh hưởng của biến động thị trường và thời tiết.

The company's primary business and production activity is beer manufacturing, using key ingredients such as malt, rice, and hops. Due to Vietnam's unsuitable climate, malt cannot currently be cultivated domestically, resulting in most raw materials being imported from abroad. The prices of these ingredients can fluctuate significantly due to factors such as weather, global market volatility, and supplier-related issues. These changes can have a substantial impact on production costs and the profitability of businesses in the industry. To mitigate risks, the company focuses on diversifying its supply sources, maintaining strong relationships with suppliers, and investing in modern technologies and production processes. These measures aim to minimize the effects of market and weather fluctuations.

Rủi ro khác/ Other risk

Một số rủi ro khác luôn tiềm ẩn như dịch bệnh, thảm họa, sự cố cháy nổ và ô nhiễm môi trường, những vấn đề có thể gây thiệt hại đến con người, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh. Để phòng ngừa với những rủi ro đó, Công ty luôn thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro bằng việc mua bảo hiểm cho nhân viên và tài sản của Công ty.

Some hidden risks such as epidemics, natural disasters, fire and explosion, environmental pollution, and others which cause losses and damages to people, assets, and production and business activities of the Company are strictly prevented and controlled by the Company by purchasing the Company's employees and assets with insurance.

Bên cạnh đó, Công ty luôn đề cao cảnh giác và không ngừng nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng xử lý tình huống để giảm thiểu rủi ro. Với mục tiêu đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được triển khai liên tục và đầy đủ, không bị ảnh hưởng bởi những sự cố không mong muốn này

In addition, the Company always raises up their vigilance, awareness, and skills to cope up with the situations to minimize such kind of risks, guaranteeing that the Company's business plan

would be performed in an adequate and continuous manner, and not affected by these unpleasant conditions.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BUSINESS AND MANUFACTURING ACTIVITIES

1. Kết quả kinh doanh/ Business and production outcomes

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue components of product sales and services rendered

DVT: Triệu đồng/ Unit: Million dong

Doanh thu Revenues	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm Change	
	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	% Tăng/Giảm % Change
Doanh thu bán thành phẩm Revenues from the sales of products	1.621.122	99,61%	1.851.153	99,42%	230.031	114,19%
Doanh thu khác Others	6.359	0,39%	10.745	0,58%	4.386	168,97%
Tổng cộng Total	1.627.481	100%	1.861.898	100%	234.417	114,40%

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh/Business and Production costs

DVT: Triệu đồng/ Unit: Million dong

Doanh thu Revenues	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm Change	
	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	% Tăng/Giảm % Change
Chi phí nguyên liệu vật liệu Material costs	612.229	79,02%	726.598	80,94%	114.369	118,68%
Chi phí nhân viên Employee costs	33.722	4,35%	36.594	4,08%	2.871	108,51%
Chi phí khấu hao tài sản cố định Depreciation of fixed assets	77.907	10,06%	77.331	8,61%	(577)	99,26%
Chi phí dịch vụ mua ngoài Outside purchasing service costs	43.097	5,56%	50.852	5,66%	7.755	117,99%
Chi phí khác Other costs and expenses	7.778	1,00%	6.376	0,71%	(1.402)	81,98%
Tổng cộng Total	774.734	100,00%	897.750	100,00%	123.016	115,88%

Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Performance in comparison with the plan

Tuy nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng trong quá trình hoạt động Công ty luôn được sự ủng hộ từ phía địa phương và sự hỗ trợ từ SABECO, tập thể Công ty đã nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao, kết quả đạt được như sau:

Despite the fact that the economy faced numerous challenges, thanks to strong support from the local community as well as SABECO, the Company's collaborative efforts were made to achieve the business objectives established by the General Meeting of Shareholders. The performance outcomes are recorded as follows:

DVT: Triệu đồng/ Unit: Million dong

Chi tiêu Targets	TH 2023 Actual 2023	KH 2024 Expected 2024	TH 2024 Actual 2024	TH 2023/ TH 2024 Actual 2023/ Actual 2024	TH 2024/KH 2024 Actual 2024/ Expected 2024
Tổng doanh thu Total revenue	1.627.481	1.870.881	1.861.898	114,40%	99,52%
Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	42.198	45.122	50.742	120,25%	112,46%
Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	33.300	34.798	40.364	121,21%	116,00%

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and human resources

Danh sách Ban điều hành/ list of board of management members

Stt No	Thành viên Member	Chức vụ Position	Số lượng cổ phần sở hữu Total number of shares hold (Shares)	Tỷ lệ sở hữu Percentage of holding (%)	Ghi chú Note
1	Ông Nguyễn Hồng Anh	Giám đốc Director	50.000	0,11%	
2	Ông Trần Quang Trung	Phó Giám đốc Deputy Director	0		
3	Ông Văn Bá Thi	Kế toán trưởng Chief Accountant	0		

Lý lịch Ban điều hành/ Profile of the Board of Management members

➤ Ông/ Mr. Nguyễn Hồng Anh: Giám đốc

- Năm sinh/ Year of birth: 1968
- Quốc tịch/ Nationality: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Cử nhân quản trị kinh doanh/ Bachelor of Business Administration.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ Position in the company: Giám đốc/ Director
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Position in other organizations: Không có/ None
- Số lượng cổ phần sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.11% tổng số cổ phần phát hành/ Number of owned shares: 50,000 share, account for 0,11%.

➤ Ông/ Mr. Trần Quang Trung: Phó Giám đốc

- Năm sinh/ Year of birth: 1964
- Quốc tịch/ Nationality: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh/ Master of Business Administration.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ Position in the company: Phó Giám đốc/ Deputy Director.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Position in other organizations: Không có/ None
- Số cổ phần sở hữu/ Number of owned shares: Number of owned shares: 0 share, account for 0%.

➤ Ông/ Mr. Văn Bá Thi: Kế toán trưởng

- Năm sinh/ *Year of birth*: 1978
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Cử nhân kinh tế/ *Bachelor of Economics*
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ *Position in the company*: Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Position in other organizations*: Không có/ *None*
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 0 share, account for 0%*.

Những thay đổi trong ban điều hành năm 2024/ *changes in board of management in 2024*

Trong năm 2024, Ban điều hành không có sự thay đổi về nhân sự, luôn thực hiện đúng nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh và đầu tư được giao bởi ĐHĐCĐ, HĐQT, tuân thủ pháp luật.

In 2024, there was no personnel change in the Board of Management. It always properly performed the production, business, and investment tasks as assigned by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, and complied with the law.

Số lượng cán bộ, nhân viên/ *number of the company's employees*

STT No.	Tiêu chí Criteria	Năm 2024	
		Số lượng (Người) Number (person)	Tỷ trọng (%) Percentage (%)
A	Theo trình độ lao động Classified by qualification		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học Graduate and Postgraduate	90	51,4
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp College, intermediate level	65	37,1
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật Elementary level and technical workers	20	11,5
4	Lao động phổ thông Unskilled workers		
B	Theo thời hạn HĐLĐ Classified by labor contract type		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm Temporary contract (less than 1 year)	3	1,7
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm Contract with 1 - 3 year term	172	98,3
3	Hợp đồng không xác định thời hạn Indefinite labor contract		
C	Theo giới tính Classified by gender		
1	Nam/Male	122	69,7
2	Nữ/Female	53	30,3

Chính sách nhân sự/ *human resources policies*

Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên.

The payment of social insurance and health insurance followed the prevailing provisions of the Labor Law, the Law on Social Insurance; and at the same time the employees get their health checked up periodically

Thực hiện đúng nội dung của thỏa ước lao động tập thể, chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các

quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm sức khỏe.

Strictly conforming to the collective labor agreement, fully and strictly complying with the provisions of the Laws on labor, salary, health insurance

Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao tay nghề chuyên môn như kỹ thuật công nghệ, thiết bị, công nghệ thông tin, bổ sung kiến thức về an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ định kỳ.

The Company always pays attention to organizing training courses to improve professional skills such as technique technology, equipment, information technology, enhancing knowledge about occupational safety, food safety, fire and explosion prevention regularly

Ghi nhận và khen thưởng các đóng góp, sáng kiến, giải pháp hữu ích của người lao động.

Recognizing and rewarding the employees' contributions, initiatives, and useful solutions;

Đảm bảo các chế độ phúc lợi như nghỉ mát, team building, phong trào thể thao, giải trí

Ensuring welfare regulations such as vacation, team building, sports, and entertainment activities

Chính sách trả lương, thưởng, phúc lợi rõ ràng, minh bạch.

The Company's policy of salary, bonus, and welfare is clear, transparent.

Kế hoạch năm 2025/ Plan for the year 2025

Tiếp tục duy trì và đảm bảo thu nhập cho người lao động, đặc biệt chú trọng cam kết liên quan đến các chính sách lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

Continue to maintain and ensure incomes for the employees, pay special attention to the commitment related to the employees' salary, bonus, insurance, welfare policy.

Duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo chuẩn chung của SABECO.

Maintain salary, bonus, and welfare in accordance with SABECO's general standards.

Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho người lao động.

Pay special attention to professional and skill training for the employees.

Tiếp tục duy trì môi trường làm việc năng động, sáng tạo, thân thiện và gắn kết, đủ sức giữ chân người tài.

Continue to maintain a professional and creative and close-knit workplace, along with talent keeping.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment and project implementation

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục tập trung ưu tiên đầu tư trang thiết bị các dự án có tính cấp bách nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, đặc biệt đối với các dự án mang tính chiến lược của Công ty. Với mục tiêu không chỉ duy trì mà còn thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời chú trọng hoạt động tiết giảm năng lượng, điện, nước, chi phí bảo trì và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và điều hành Công ty.

In 2024, the company will continue to prioritize investment in equipment for urgent projects to ensure product quality, particularly those considered strategic. The goal is not only to maintain but also to enhance production and business efficiency while focusing on energy, electricity, and water conservation, reducing maintenance costs, and improving the effectiveness and efficiency of management and operations.

Thực hiện triển khai các hạng mục đầu tư theo danh mục được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua, trước khi triển khai, Công ty đã chủ động xem xét và đánh giá lại một cách cẩn trọng, ưu tiên các hạng mục thật sự cần thiết, ưu tiên đầu tư các hạng mục tăng hiệu quả sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng. Theo đó, tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư năm 2024 là 4.6 tỷ đồng.

Carrying out the investment plan as approved by the General Meeting of Shareholders in 2024. Before the implementation, the Board of Management actively conducted thorough reviews and careful reevaluation, prioritizing the items that were really in need to get better production efficiency, stabilize product quality, and save energy. Accordingly, total amount of disbursement on the investments in 2024 was VND 4,6 billion.

Thủ tục thực hiện các hạng mục: đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Procedures for implementing categories: ensuring compliance with current regulations

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

DVT: Triệu đồng/ *Unit: Million dong*

STT No.	Chỉ tiêu <i>Targets</i>	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/ giảm <i>%Change</i>
1	Tổng giá trị tài sản <i>Total assets</i>	656.932,31	641.380,90	97,63%
2	Doanh thu thuần <i>Net Revenue</i>	809.156,11	935.030,03	115,56%
3	Giá vốn hàng bán <i>Cost of Goods Sold</i>	762.442,77	878.826,37	115,26%
4	Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	46.713,34	56.203,66	120,32%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Operating profit</i>	42.864,17	50.738,50	118,37%
6	Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	(666,48)	3,72	-0,56%
7	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before Tax</i>	42.197,69	50.742,22	120,25%
8	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after Tax</i>	33.299,64	40.363,70	121,21%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) <i>Basic profit per share (dong)</i>	670	808	120,60%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*

Chỉ tiêu/ <i>Targets</i>	DVT/ <i>Unit</i>	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán <i>Solvency indicators</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Short-term ratio</i>	Lần <i>Time</i>	2,46	3,31
Hệ số thanh toán nhanh <i>Quick ratio</i>	Lần <i>Time</i>	2,04	2,67
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Capital structure indicators</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/total asset</i>	%	24,01	20,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>Debt/Owner's equity</i>	%	31,60	26,2
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operational capability indicators</i>			
Vòng quay hàng tồn kho <i>Inventory turnover</i>	Vòng <i>Turn</i>	11,29	11,86
Vòng quay tổng tài sản <i>Total asset turnover</i>	Vòng <i>Turn</i>	1,23	1,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitability indicators</i>			

ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) <i>Profit after tax/Net Revenue (ROS)</i>	%	3,66	4,32
ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu) <i>Profit after tax/ average Owner's equity (ROE)</i>	%	5,93	7,94
ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản) <i>Profit after tax/Average Total asset (ROA)</i>	%	4,51	6,29
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Operating profit/Net Revenue</i>	%	4,84	5,43

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholder structure, change in owner's equity.*

a. Thông tin về cổ phiếu/ *shares:*

Công ty CP Bía Sỏi Gòn – Sông Lam

Mã cổ phiếu/ *Stock ticker:* BSL

Năm tài chính kết thúc/ *Fiscal year ending date:* 31/12

Tổng số cổ phiếu đã phát hành/ *Total Number of shares issued:* 45.000.000 cổ phần/ *shares*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành/ *Number of outstanding shares:* 45.000.000 cổ phần/ *shares*

Số lượng cổ phiếu quỹ/ *Number of treasury shares:* 0 cổ phần/ *share*

Loại cổ phần/ *Types of shares:* Cổ phiếu phổ thông/ *Common shares*

Mệnh giá cổ phần/ *Share's par value:* 10.000 đồng/ cổ phần/ *10,000 VND/share*

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ *Number of locked shares:* không/ *None*

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 12/09/2024)/ *Shareholders Structure (As of September 12, 2024)*

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%/ *Maximum foreign ownership ratio: 50%*

STT No.	Loại cổ đông <i>Type of Shareholder</i>	Số cổ phần Amount (million dong)	Giá trị (triệu đồng) Amount (million dong)	Tỷ lệ sở hữu (%) <i>Proportion of Ownership (%)</i>
I	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu <i>Percentage holding</i>	45.000.000	450.000.000.000	100.00%
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết) <i>Major shareholders (holding 5% or more of the Company's voting shares)</i>	30.950.0000	309.500.000.000	68,78%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Shareholders holding less than 5% of the Company's voting shares</i>	14.050.000	140.500.000.000	31,22%
II	Cổ đông Nhà nước <i>State shareholders</i>	-	-	0,00%
III	Cổ đông trong nước <i>Domestic shareholders</i>	44.886.487	448.864.870.000	99,75%
1	Cá nhân/ <i>Individuals</i>	10.842.420	108.424.200.000	24,09%
2	Tổ chức/ <i>Institution</i>	34.044.067	340.440.670.000	75,65%
IV	Cổ đông nước ngoài <i>Foreign shareholders</i>	113.513	1.135.130.000	0,25%

1	Cá nhân/ <i>Individuals</i>	113.513	1.135.130.000	0,25%
2	Tổ chức/ <i>Institution</i>	-	-	0,00%
Tổng cộng (II+III)		45.000.000	450.000.000.000	100.00%

c. Danh sách cổ đông lớn (tại ngày 12/09/2024)/ List of major shareholders (As of September 12, 2024)

Cổ đông <i>Shareholder</i>	Số lượng CP sở hữu <i>Number of shares hold</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage (%)</i>
Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn <i>Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation</i>	30.950.000	68,78%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không phát sinh

Change in investment capital of owner's equity: No change

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

Transaction of Treasury shares: No change

Các chứng khoán khác: Không phát sinh

Other securities: No change

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Company's report of environment and societal impacts

a. Về môi trường/ Environment

Tổng phát thải nhà kính trực tiếp và gián tiếp: 5449.19 tấn

Total direct and indirect greenhouse gas emissions: 5449.19 tons

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Initiatives and measures to mitigate greenhouse gas emissions:

- + Giám sát, tối ưu vận hành hệ thống thiết bị nhà máy
Monitoring and optimizing the operation of factory equipment systems.
- + Triển khai một số sáng kiến tiết kiệm năng lượng và nước.
Implementing several energy and water-saving initiatives.

Có thiết bị thu hồi và lưu trữ CO2 để sử dụng và bán lại cho đơn vị khác;

Equipped with CO2 recovery and storage systems for reuse and resale to other entities.

Lò hơi đốt: sử dụng nguyên liệu BIOMAS thay cho lò hơi đốt bằng nhiên liệu hóa thạch;

Boilers: utilizing biomass as fuel instead of fossil fuels.

Sử dụng các loại bao bì nhẹ hơn và có khả năng tái chế cao;

Using lighter packaging with a high recyclability rate.

Áp dụng nhiều biện pháp cải tiến trong sản xuất từ đó giúp giảm lượng tiêu thụ nguyên vật liệu, bao bì, năng lượng;

The implementation of various production improvement measures has helped reduce the consumption of raw materials, packaging, and energy.

Tiêu thụ năng lượng và nước/ Energy and Water Consumption

Tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, ngoài việc giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, còn là bảo vệ môi trường. Mục tiêu Công ty hướng đến là phát triển bền vững. Các phòng ban ophaan xưởng của Công ty đều được đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ với công nghệ hiện đại và được tích hợp hệ thống quản lý sản xuất tự động hóa cao nhằm giúp giảm tiêu hao năng lượng.

Energy saving during production not only reduces production costs and increases profits but also contributes to environmental protection. The company's goal is sustainable development. All departments and workshops are equipped with synchronized machinery and modern

technology, integrated with highly automated production management systems to help reduce energy consumption.

Điện/ Electricity:

Việc đưa vào sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy từ tháng 7/2021 (công suất khoảng 1MW) đã giúp giảm lượng điện mua ngoài. Tổng lượng điện sử dụng năm 2024: 8.179,3 MW, trong đó điện mặt trời có 950.6 MW chiếm 11.6%. Về định mức điện (tính trên 1.000 lít bia), Công ty đã giảm khoảng 8,88% so với định mức thực hiện của năm 2023.

The rooftop solar power system, with a capacity of approximately 1MW, has been in operation at the factory since July 2021, helping to reduce the amount of electricity purchased externally. The total electricity consumption in 2024 was 8,179.3 MW, of which solar power accounted for 950.6 MW, making up 11.6%. In terms of electricity consumption per 1,000 liters of beer, the company reduced it by approximately 8.88% compared to the rate achieved in 2023.

Hơi/ Steam:

Mặc dù sản lượng sản xuất tăng nhưng tổng lượng hơi sử dụng trong năm 2024 đã giảm 4,67% so với năm 2023. Về định mức hơi (tính trên 1.000 lít bia), Công ty đã giảm 12,96% so với định mức thực hiện của năm 2023.

Although production output increased, the total steam consumption in 2024 decreased by 4.67% compared to 2023. In terms of steam consumption per 1,000 liters of beer, the company reduced it by 12.96% compared to the rate achieved in 2023.

Nước/ Water:

Nguồn cấp nước thô cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh Đào. Tổng lượng nước sinh hoạt đưa vào sử dụng năm 2024 là 277.298 m³.

The main source of raw water for the company's production and business activities is sourced from the Dao Canal. The total volume of domestic water used in 2024 was 277,298 m³.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, có khoảng 100 m³ chiếm 0,035%, nước tái sử dụng từ nước làm mát sử dụng cho nhà vệ sinh, vệ sinh nhà xưởng khoảng 500m³ chiếm khoảng 0,17%.

Percentage and total amount of recycled and reused water: Water from waste water treatment plant (after treatment) used for watering plants approximately 100 m³, accounting for 0.035% of total, cooling water used for flushing toilet, factory cleaning amounts to around 500 m³, making up about 0.17%.

Với việc áp dụng nhiều giải pháp tiết kiệm, lượng nước Công ty mua ngoài đã giảm 2,68 % so với năm 2023.

By application of many saving solutions, the amount of water purchased by the company decreased by 2.68% compared to 2023.

b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Managing materials

Kiểm soát chất lượng đầu vào/ Input quality control

Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ, đạt tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định của SABECO và tiêu chuẩn Việt Nam.

The quality of input materials is always strictly controlled by the company, meeting quality standards and ensuring compliance with SABECO's regulations and Vietnamese standards.

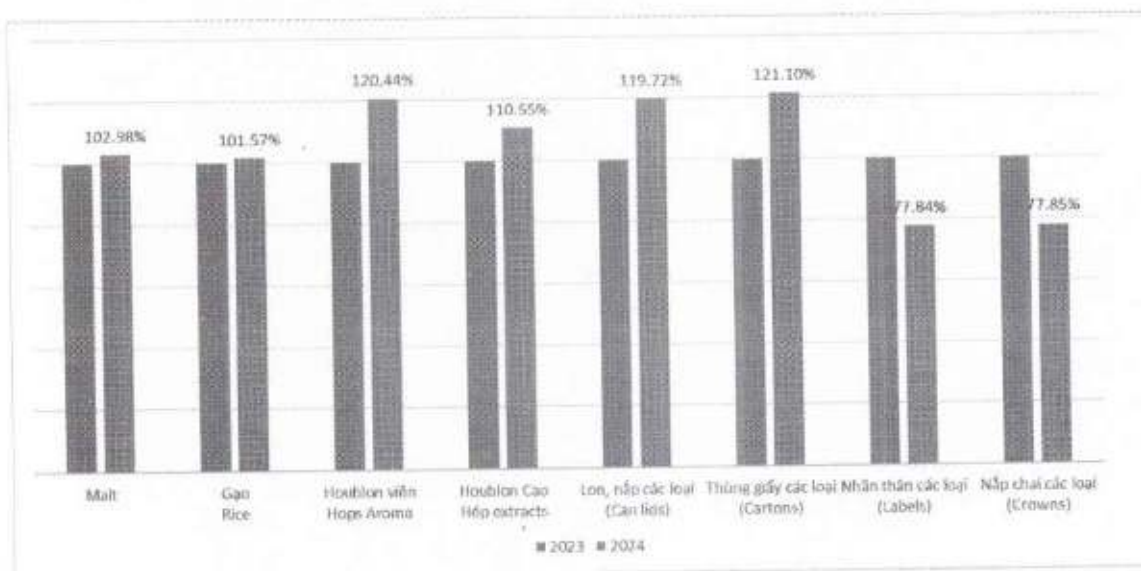
Công ty có phòng thí nghiệm với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, vận hành theo tiêu chuẩn ISO 17025.

The company has a laboratory fully equipped with modern facilities, operating in compliance with ISO 17025 standards.

Tiêu thụ nguyên vật liệu 2024/ Material Consumption 2024

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của công ty trong năm.

The total amount of raw materials used for the production and packaging of the company's main products and services during the year.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Comply with the law on environmental protection.

Công ty được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định;

The company has been approved for the Environmental Impact Assessment (EIA) report in accordance with regulations.

Công ty không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường trong năm 2024;

The company was not be sanctioned for environmental violations in 2024;

Toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất kinh doanh đều được thu hồi đúng quy định về các kho chứa và được vận chuyển, xử lý bởi các đơn vị có đủ chức năng. Nước thải sản xuất và sinh hoạt được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chất lượng theo QCVN 40:2011, cột A, hệ số kq = 0,9 trước khi thải ra môi trường.

All domestic waste, solid waste, and hazardous waste generated from production and business activities are collected in compliance with regulations, stored in designated facilities, and transported and treated by certified units. Industrial and domestic wastewater is processed through a centralized wastewater treatment system to meet the quality standards specified in QCVN 40:2011, Column A, with a kq coefficient of 0.9, before being discharged into the environment.

c. Về xã hội/ Society

Sức khỏe và an toàn lao động/ Labor safety and occupational health

Công ty luôn đặt yếu tố nguồn nhân lực làm trọng tâm trong suốt quá trình hoạt động. Điều này được thể hiện thông qua việc Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe của người lao động: 100% nhân viên đều được kiểm tra sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ đồng thời được đào tạo, huấn luyện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động định kỳ. Ngoài ra, Công ty cũng mua thêm các gói bảo hiểm sức khỏe cao cấp cho người lao động. Trong năm qua, Công ty không xảy ra tai nạn lao động.

The company always puts human resources as the focus throughout its operations. The Company constantly expresses its concern about the employees by taking care of their material, spiritual

and health lives. 100% of the employees get their health checked on a periodical basis to detect occupational diseases and are fully equipped with labor protective equipment. Besides, the employees have chances to join training and coaching sessions on food hygiene and labor safety. In addition, the Company cover its employees with advanced insurance. In the past year, there was no accident occurring.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report relating to the Company's responsibility to the local community.

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp là dựa trên nền tảng của một cộng đồng ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của Công ty tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Nhận thức được điều này, Công ty luôn hoàn thành trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua nhiều hoạt động thiết thực như:

The long-term development of the enterprise is based on the foundation of a stable and prosperous community. We understand that certain economic, societal and environmental impacts have been put on the community with the presence of the company. Clearly being aware of this, the Company always fulfills its responsibility to the local community through many practical activities such as:

- + Sự thân thiện với môi trường: Nhà máy luôn đầu tư thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hiệu suất cao; duy trì cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Environmentally-friendly: The breweries always spent a lot of money to buy modern equipment, for energy savings, high production efficiency; keeping green, clean and beautiful landscape

- + Duy trì các hoạt động hỗ trợ cộng đồng tại địa phương theo phương châm “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”.

Maintaining local community supports under the motto “Saigon Beer joins hands with the community”.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Sự ủng hộ nhiệt tình của Lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành tại địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết sách cụ thể đảm bảo hoạt động sản xuất duy trì hiệu quả, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát chi phí ổn định việc làm và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Sự chỉ đạo linh hoạt và toàn diện của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng nỗ lực của toàn thể người lao động đã góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh Công ty.

Trong suốt năm qua Công ty đã chủ động thực hiện nhiều phương thức khác nhau để hoạt động kinh doanh

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024/ Assessment on the Company's business performance in 2024

ĐVT: Triệu đồng/ Unit: Million dong

TT	Chỉ tiêu	TH Năm 2023	KH năm 2024	TH năm 2024	TH 2023/TH 2024	TH 2024/KH 2024
No	Targets	Actual 2023	Expected 2024	Actual 2024	Actual 2023/ Actual 2024	Actual 2024/ Expected 2024
1	Tổng doanh thu Total revenue	1.627.481	1.870.881	1.861.898	114,40%	99,52%

2	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	42.198	45.122	50.742	120,25%	112,46%
3	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	33.300	34.798	40.364	121,21%	116,00%

Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *Progress obtained by the Company*

Về sản xuất và giao hàng/ *Manufacturing and delivering*

Công ty tiếp tục ưu tiên việc cải tiến liên tục định mức sản xuất thông qua việc ứng dụng các giải pháp cải tiến đồng bộ để hợp lý hóa sản xuất tại các công đoạn.

The Company continues to constantly prioritize improvements in production norms through synchronous improvement solutions are applied to rationalize production at all stages

Linh động phối hợp với các đơn vị thương mại trong công tác giao hàng theo kế hoạch S&OP. Phối hợp cùng SABECO và SATRACO triển khai chính sách kho vận mới nhằm tiết kiệm nhân sự và chi phí.

Flexibly coordinating with trade agencies in goods delivery according to the S&OP plan. Coordinating with SABECO and SATRACO to implement new logistics policies to save personnel and costs.

Quản lý chất lượng sản phẩm: tuân thủ quy trình công nghệ, chất lượng sản phẩm ổn định, đạt tiêu chuẩn SABECO và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Product quality management: complying with technological processes, stable product quality, meeting SABECO standards and food safety and hygiene.

Về kế toán - tài chính/ *Accounting - Finance*

Lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Quản trị tốt dòng tiền, Công ty không phát sinh nợ vay ngắn hạn/dài hạn trong năm.

Preparing and presenting honestly and reasonably the financial statements in accordance with Vietnamese accounting standards, Vietnamese corporate accounting regime, and applicable legal regulations. Well-managing cash flow. The Company had no short-term/ long-term debt

Về đầu tư/ *Investments*

Công ty ưu tiên thực hiện các hạng mục thật sự cần thiết nhằm tăng hiệu quả sản xuất, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát chất lượng sản phẩm. Trước khi triển khai, các hạng mục đầu tư mua sắm luôn được cân nhắc kỹ lưỡng nhu cầu sử dụng cũng như hiệu quả mang lại.

The Company prioritized the implementation of the necessary categories to get better production efficiency, stabilize product quality, and save energy. Before implementation, procurement investment items are always carefully considered for usage needs as well as effectiveness.

Về cơ cấu tổ chức, nhân sự/ *Organizational and Human Resource structure*

Tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động thực hiện theo quy định của Công ty, định hướng chung của SABECO và đúng pháp luật hiện hành.

Wages, policies and benefits entitled by the employees comply with the Company's regulations, SABECO's orientation, and the current legal system

Đã hoàn thành tái cấu trúc nhân sự theo sơ đồ tổ chức mới và áp dụng cơ cấu lương mới tính theo hiệu quả công việc.

Restructuring personnel according to the new organizational apparatus is completed and a new salary structure based on performance is applied

2. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a. Tình hình tài sản/ Assets

ĐVT: Triệu đồng/ Unit: Million dong

Nội dung Targets	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm	
	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	%Tăng/Giảm %change
Nợ ngắn hạn Short-term liabilities	157,10	99,6%	132,97	99,9%	-24,13	84,6%
Nợ dài hạn Long-term liabilities	0,65	0,4%	0,17	0,1%	-0,48	26,5%
Tổng nợ phải trả Total Liabilities	157,75	100%	133,15	100%	-24,60	111%

b. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

ĐVT: Triệu đồng/ Unit: Million dong

Nội dung Targets	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm	
	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	Tỷ trọng Proportion	Giá trị Amount	%Tăng/Giảm %change
Tài sản ngắn hạn Current Assets	386,10	58,77%	440,13	68,62%	54,03	114,0%
Tài sản dài hạn Non-current assets	270,83	41,23%	201,25	31,38%	-69,58	74,3%
Tổng tài sản Total Assets	656,93	100%	641,38	100%	-15,55	188,3%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Progress in respect of organizational structure, policies, management

Công ty đã quy hoạch và sắp xếp lại cơ cấu bộ máy quản lý công ty nhằm tinh gọn bộ máy quản lý. Thực hiện trả lương theo vị trí công việc, khen thưởng kịp thời đã động viên cán bộ công nhân viên phát huy năng lực cá nhân, tập thể có những sáng kiến làm lợi và gắn bó lâu dài với công ty.

The company has planned and reorganized its management structure to streamline operations. Implementing a position-based salary system and timely rewards has motivated employees to maximize their individual and collective potential, contribute beneficial innovations, and maintain long-term commitment to the company.

Triển khai và ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất, quản lý cung ứng vật tư hàng hóa; quản trị hành chính, tiết giảm lao động.

The company has also implemented and applied software for production management, supply chain management, and administrative operations to optimize labor efficiency.

Lập kế hoạch sản xuất hợp lý để tiết giảm hao phí năng lượng sản xuất, tiết giảm chi phí.

A well-structured production plan has been developed to reduce energy consumption and minimize costs.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Future development plan

Phối hợp với Công ty thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.

Coordinate with trading companies and local departments to increase on-site product consumption, minimize transportation costs, and maximize profits.

Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

Actively participate in social welfare activities

Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Apply science, technology, and production management software to improve product quality

Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

Implement cost-saving measures while ensuring productivity, workplace safety, and environmental protection.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán/ *Explanation of the board of management on auditing opinions*

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty. Vì vậy Ban giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

According to the 2024 audited consolidated financial statements, KPMG Vietnam Co., Ltd. has issued an auditing opinion fully accepting the Company's report, so the Board of Directors has no opinion further explanation.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty/ *Assessment reports on the company's environmental and social responsibility*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường/ *Assessment on the environmental indicators*

Việc thực hiện và xử lý các chỉ tiêu môi trường như tiêu thụ điện, nước, năng lượng và quản lý phát thải đã diễn ra theo kế hoạch, hướng tới sự phát triển bền vững và việc sản xuất được liên kết chặt chẽ với bảo vệ môi trường.

Implementing and handling of environmental indicators such as electricity, water, energy, and emissions management took place as planned, targeting sustainable development, aligning the Company's production with environmental protection.

Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

The company consistently manages solid waste, industrial waste, and hazardous waste in strict compliance with current legal regulations.

Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

It also fully and promptly fulfills its environmental obligations and responsibilities, including environmental protection and the payment of taxes and fees such as surface water extraction fees, wastewater discharge fees, and forest resource service fees.

b. Đánh giá liên quan đến người lao động/ *Employees-related assessment*

Trong việc đánh giá liên quan đến người lao động, Công ty đã hoàn thành việc cùng SABECO hoàn thiện chính sách về lương thưởng và phúc lợi nhằm đảm bảo sự ổn định, phản ánh công bằng tương xứng với nỗ lực đóng góp của nhân viên, tạo động lực cho sự gắn bó và đồng hành của người lao động đối với Công ty. Đồng thời, Công ty cam kết về môi trường làm việc an toàn, đối xử tôn trọng và đặc biệt là việc chăm sóc sức khỏe cùng với việc phát triển đa dạng về đội ngũ nhân sự, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử và đảm bảo tối đa các quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật.

For employees-related assessment, together with SABECO, the Company has completed the salary, bonus, and welfare policy to ensure stability and fair reflection commensurate with the contributions of employees, creating motivation for employees' attachment and companionship

to the Company. In addition, the Company has been always committed to safe working conditions, civilized behavior, and special health care, developing a diverse personnel team, respecting differences, nondiscrimination and ensuring all the best rights enjoyed by the employees as provided for by law.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/
Assessment relating to the Company's responsibility to the local community.**

Công ty luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.

The company regards corporate social responsibility as a commitment to contributing to sustainable economic development by adhering to standards in environmental protection, gender equality, workplace safety, labor rights, fair wages, employee training and development, community development, and product quality assurance. This approach benefits both the company and society as a whole.

Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

Additionally, the company places great emphasis on promoting legal awareness and education among employees. This fosters a strong sense of social responsibility in charitable activities, gratitude initiatives, poverty alleviation, and mutual support within the community. Engaging in these efforts is both a duty and a defining cultural value of the company's employees

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S BUSINESS PERFORMANCE

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 theo đúng quy định và thực hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ theo quy định về quản trị doanh nghiệp. Hoàn thành việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc thay đổi nhân sự của HĐQT.

The Company held the Annual General Meeting of Shareholders 2024 in accordance with regulations; it conducted periodical meetings of the Board of Directors in accordance with regulations on corporate governance.

Trả cổ tức năm 2023 đúng thời hạn.

Fully making a 2023 dividend payment on time

Công ty đã đảm bảo sản lượng giao hàng đủ theo kế hoạch S&OP, tuân thủ quy trình công nghệ và tiêu chuẩn chất lượng của SABECO.

Ensuring the volume of delivery was sufficient as required by S&OP plan and complying with the technological process and SABECO's quality standards.

Duy trì tốt mối quan hệ với chính quyền địa phương, đảm bảo an sinh xã hội, nộp ngân sách đầy đủ, đúng hạn. Ngoài các hoạt động an sinh xã hội tự thực hiện, Công ty hoàn thành các chương trình công tác xã hội khác do SABECO chủ trì. Từ đó góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài

Gòn chung tay cùng cộng đồng.

Maintaining good relationships with local authorities, ensuring social security, and paying the budget fully and on time. In addition, social security activities are selfimplemented. The Company completed other social work programs held by SABECO, thereby contributing to building the Saigon Beer brand and joining hands with the community.

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh. Hoàn thành nghĩa vụ với cổ đông trong việc thanh toán cổ tức đầy đủ, đúng hạn, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời.

Fulfilling obligations to shareholders in paying dividends fully and on time, and fulfilling obligations to disclose information promptly.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of the board of directors on the board of management's performance*

Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

Theo đánh giá của HĐQT, hoạt động của Ban Giám đốc trong năm 2024 đạt được các kết quả tốt, cụ thể:

According to the assessment of the Board of Directors, the Board of Directors' activities achieved good outcomes in 2024, specifically:

- + Lợi nhuận sau thuế đạt 40,4 tỷ đồng, đạt 116% so với kế hoạch năm 2024 và đạt 121% so với kết quả thực hiện năm 2023.

Profit after tax was VND 40,4 billion, reaching 116% of the 2024 plan and reached 121% compared to the 2023 performance;

- + Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ/ đột xuất theo đúng yêu cầu của HĐQT;

Fully carrying out periodic/unscheduled reports in accordance with the requirements of the Board of Directors;

- + Thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm chi phí trong bối cảnh áp lực về chi phí đầu vào, đặc biệt là trong công tác quản lý tiêu hao sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất.

Taking necessary measures in pursuit of reducing costs in the context of pressure on input costs, especially in the management of consumption of raw materials in production were given top priority;

- + Chất lượng sản phẩm được đảm bảo theo tiêu chuẩn của SABECO, công tác giao hàng đáp ứng theo kế hoạch đã được giao;

Product quality was guaranteed in consistency with SABECO standards, delivery matched the assigned plan;

- + Quản lý máy móc thiết bị và công tác bảo trì bảo dưỡng được thực hiện tốt.

Well-performing the management of machinery and equipment, maintenance;

- + Phối hợp hiệu quả với SABECO trong việc mua hàng tập trung, và đối với các vật tư tự mua, đã chủ động thương thảo mua dự trữ để đối phó với tăng giá và tối ưu hóa chi phí giá thành.

Well-coordinating with SABECO in centralized purchasing. Regarding self-purchased materials, the Company actively negotiated to buy and reserved to avoid price increases and optimize costs.

- + Tập trung vào công tác bảo vệ môi trường và các hoạt động liên quan đến cộng đồng xã hội, phối hợp với SABECO để thực hiện.

Environmental protection and social community activities were also concerned by the Company and its implementation was in cooperation with SABECO;

- + Hoạt động của các nhà máy luôn được đảm bảo, duy trì môi trường sản xuất xanh sạch đẹp, tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội tại địa phương.

The operation of the breweries was always ensured, maintaining a clean and green production environment, and actively participating in activities to support the community and social security in the local community

3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị năm 2025/ *Plan and direction of the board of directors for the 2025.*

Dự kiến trong năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với áp lực lớn từ việc tăng giá hàng hóa đầu vào. Với mong muốn tăng cường hiệu quả hoạt động, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm 2025. Hội đồng quản trị cũng đã định rõ một số nhiệm vụ quan trọng cho năm 2025 như sau:

It is expected that in 2025, the Company will still be under great pressure due to high input prices. Hence, to enhance operating effectiveness of the Company, the Board of Directors continue to direct the Board of Management to implement the Resolution of the General Meeting of Shareholders, including the business and production and investment plan for the year 2025. The Board of Directors has given an orientation towards key tasks in 2025 as follows:

- + Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025.
The Board of Management will be guided to implement the AGM' Resolutions, including business and investment plans for the year 2025.
- + Kiểm soát chặt chẽ ngân sách và dòng tiền, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư toàn công ty.
The Company's cash flows and budget must be strictly kept, ensuring optimal cost of capital in production, business and investment of the whole Company
- + Quản lý tốt hơn nữa tiêu hao nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm.
Implementing better raw material consumption and save energy management during the production process.
- + Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo phê duyệt.
Strictly controlling product quality, food safety and hygiene.
- + Đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị Công ty.
Ensuring the Company's operations comply with the laws on the Corporate Governance
- + Rà soát, điều chỉnh và ban hành thêm các Quy chế, quy định về quản trị nội bộ phù hợp với sở tay phân quyền và thống nhất với định hướng của SABECO
Reviewing, adjusting, and issuing internal governance rules and regulations to be consistent with the Manual of Authority and consistent with SABECO's orientation.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

BOARD OF DIRECTORS

1. Hội đồng quản trị/ *Board of directors*

- a. Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị (Tính tại ngày 31/12/2024)/ *Composition of the Board of Directors (As of December 31, 2024).*

Stt No.	Thành viên Member	Chức vụ Position	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm Date of appointment/ dismissal		Tỷ lệ sở hữu (%)
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal	Percentage of holding (%)
1	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT Chairman of BOD	05/10/2023		
2	Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	TV HĐQT Member of BOD	12/04/2023	14/10/2024	
3	Ông Nguyễn Hồng Anh	TV HĐQT Member of BOD	14/04/2022		0,11%
4	Ông Văn Thanh Liêm	TV HĐQT Member of BOD	14/04/2022		0,40%
5	Ông Cao Thanh Bích	TV HĐQT Member of BOD	14/04/2022		
6	Ông Võ Phước Giàu	TV HĐQT Member of BOD	14/10/2024		

Lý lịch Ban hội đồng quản trị

➤ Ông/ Mr. Tan Teck Chuan Lester/ Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors

- Năm sinh/ Year of birth: 1966
- Quốc tịch/ Nationality: Singapore
- Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Cử nhân kinh tế và Khoa học chính trị - Đại học Willamette Oregon, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Thạc sĩ khoa học chuyên ngành Marketing - Đại học TP New York, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ/ Bachelor of Economics and Political Science - Willamette University Oregon, United States of America; Master of Science in Marketing - New York City University, United States of America.
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ Position in the company: Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors .
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Position in other organizations:
 - Chief Beer Business Thailand/Executive Committee Member: Thai Beverage Public Company Limited
 - CEO Beer Thailand: Chang Beer Company Limited - Executive Officer (Head of Thailand Beer Business): BeerCo Limited (Incorporated in Singapore)
 - CEO Beer Thailand / Director / Executive Director: Chang International Co., Ltd.;
 - Director / Executive Director: Cash Van Management Co., Ltd.; Modern Trade Management Co., Ltd.; Horeca Management Co., Ltd.; Traditional Trade Management Co., Ltd.; Thai Drinks Co., Ltd.
 - Deputy Chief Executive Officer – Non-Alcoholic Beverage: Fraser and Neave Limited
 - Tổng Giám đốc, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn/ General Director, Saigon Beer - Alcohol - Beverage JSC;
 - Chủ tịch HĐQT, CTCP NGK Chương Dương/ Chairman of the Board of Directors, Chuong Duong Beverages JSC;
 - Chủ tịch HĐQT, CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây/ Chairman, Western - Saigon Beer Joint Stock Company.

- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn/ *Chairman, Saigon Beer Trading Co., Limited;*
- Chủ tịch, Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh/ *Chairman, Me Linh Point Limited.*
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện: 12.950.582 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28,78% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 12,950.582 share, account for 28.78%.*
- **Ông/ Mr. Nguyễn Hồng Anh/ Thành viên HĐQT/ *Member of the Board of Directors.***
 - Năm sinh/ *Year of birth:* 1968
 - Quốc tịch/ *Nationality:* Việt Nam
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications:* Cử nhân quản trị kinh doanh/ *Bachelor of Business Administration.*
 - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ *Position in the company:* Thành viên HĐQT/ *Member of the Board of Directors.*
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Position in other organizations:* Không có/ *None*
 - Số lượng cổ phần sở hữu đại diện: 8.999.709 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 8,999.709 share, account for 20%.*
 - Số lượng cổ phần sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.11% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 50,000 share, account for 0,11%.*
- **Ông/ Mr. Võ Phước Giàu/ Thành viên HĐQT/ *Member of the Board of Directors.***
 - Năm sinh/ *Year of birth:* 1974
 - Quốc tịch/ *Nationality:* Việt Nam
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications:* Cử nhân quản trị kinh doanh/ *Bachelor of Business Administration.*
 - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ *Position in the company:* Thành viên HĐQT/ *Member of the Board of Directors.*
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Position in other organizations:*
 - Phó Giám đốc, Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh/ *Deputy Director, Saigon Brewery Nguyen Chi Thanh.*
 - Thành viên HĐQT, Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân/ *Member of the Board of Directors, Sai Gon - Dong Xuan Beer Alcohol Joint Stock Company.*
 - Số lượng cổ phần sở hữu đại diện: 8.999.709 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 8,999.709 share, account for 20%.*
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.004% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 2,000 share, account for 0,004%.*
- **Ông/ Mr. Cao Thanh Bích/ Thành viên HĐQT/ *Member of the Board of Directors.***
 - Năm sinh/ *Year of birth:* 1949
 - Quốc tịch/ *Nationality:* Việt Nam
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications:* Cử nhân quản trị kinh doanh/ *Bachelor of Business Administration.*
 - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ *Position in the company:* Thành viên HĐQT/ *Member of the Board of Directors.*
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Position in other organizations:* Không/ *None*
 - Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 0 share, account for 0%.*
- **Ông/ Mr. Văn Thanh Liêm/ Thành viên HĐQT không điều hành/ *Non-Executive Member of the Board of Directors.***
 - Năm sinh/ *Year of birth:* 1950
 - Quốc tịch/ *Nationality:* Việt Nam
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications:* Kỹ sư kinh tế
 - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ *Position in the company:* Thành viên HĐQT/ *Member*

of the Board of Directors.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ *Position in other organizations:*
 - Chủ tịch HĐQT: Công ty CP Tập đoàn Bia Sài Gòn – Bình Tây/ *Chairman, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company;*
 - Chủ tịch HĐQT: Công ty CP Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn/ *Chairman, Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company;*
 - Chủ tịch HĐQT: Công ty CP Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn/ *Chairman, Saigon Beer Transportation Joint Stock Company;*
 - Chủ tịch công ty: Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận/ *Chairman, Sai Gon - Ninh Thuan Beer Company Limited;*
 - Chủ tịch Công ty: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý/ *Chairman, Sai Gon - Phu Ly Beer Company Limited;*
 - Chủ tịch HĐQT: Công ty CP Bia Sài Gòn – Long Khánh/ *Chairman, Sai Gon- Long Khanh Beer Joint Stock Company.*
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 182.673 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.41% tổng số cổ phần phát hành/ *Number of owned shares: 182,673% share, account for 0.41%.*

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Subcommittees of the Board of Directors

Không có/ None

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors:*

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2024/ *Meetings of the Board of Directors in 2024*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Members of BOD</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings of BOD attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Meeting attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>The reason for not attending the meeting</i>
1	Ông/Mr . Tan Teck Chuan Lester	04/04	100%	
2	Ông/Mr. Nguyễn Hồng Anh	04/04	100%	
3	Ông/Mr. Văn Thanh Liêm	04/04	100%	
4	Ông/Mr. Cao Thanh Bích	04/04	100%	
5	Ông/Mr. Vương Nguyễn Đăng Khoa	03/03	100%	Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa không còn là TV. HĐQT từ ngày 14/10/2024 <i>Mr. Vuong Nguyen Dang Khoa has been dismissed as a Board member since 14/10/2024</i>
6	Ông/Mr. Võ Phước Giàu	01/01	100%	Ông Võ Phước Giàu là TV. HĐQT từ ngày 14/10/2024 <i>Mr. Vo Phuoc Giaau has been elected as a Board</i>

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Members of BOD</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings of BOD attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Meeting attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>The reason for not attending the meeting</i>
				member since 14/10/2024

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: sản xuất/bán hàng; đầu tư; nhân sự; các hoạt động liên quan đến cổ đông, chia cổ tức; quản trị Công ty, công bố thông tin và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

In 2024, the Board of Directors performed the full role of directing, managing, and supervising all aspects of the Company's business activities including: production/sales; investment; human resource, activities related to the shareholders, dividend distribution; corporate governance, information disclosure and other activities in accordance with the law.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đảm bảo truyền thông đầy đủ đến cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý thông qua việc thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

In addition, the Board of Directors also ensured adequate communication with the shareholders, investors, and management agencies through the implementation of a transparent and effective information disclosure policy.

Tổng cộng trong năm đã có 19 nghị quyết HĐQT được ban hành để Ban điều hành làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Totally, there were 19 resolutions of the Board of Directors issued to be the benchmarks for the Board of Management's implementation of the business and production missions.

Stt No.	Số Nghị quyết <i>Resolution No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Contents</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval date</i>
1.	Số 01/2024/NQ-HĐQT		Phê duyệt ban hành Quy chế quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam theo Tờ trình số 57/2023/TTr-BSGSL ngày 20/12/2023 <i>Approved the Regulation on Financial Management of Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company as per Proposal No. 57/2023/TTr-BSGSL dated 20/12/2023</i>	100%
2.	Số 02/2024/NQ-HĐQT		Phê duyệt chỉ định nhà thầu tư vấn thực hiện gói thầu tư vấn lập quy hoạch chi tiết Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam công suất 250 triệu lít/năm với tỷ lệ 1/500 theo Tờ trình số 58/2023/TTr-BSGSL ngày 26/12/2023 <i>Approved of the appointment of a consulting contractor to carry out the detailed planning consultancy bidding package for Saigon - Song Lam Brewery with a capacity of 250 million</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Contents	Tỷ lệ thông qua Approval date
			liters/year at the rate of 1/500 as per Proposal No. 58/2023/TTr-BSGSL dated 26/12/2023 Thông qua chỉ định nhà thầu tư vấn thực hiện gói thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam lên 250 triệu lít/năm theo Tờ trình số 62/2023/TTr-BSGSL ngày 28/12/2023 Approved the appointment of a consulting contractor to carry out the package of preparing a Feasibility Study Report (F/S) for the expansion investment project to increase the capacity of Saigon - Song Lam Brewery to 250 million liters/year as per Proposal No. 62/2023/TTr-BSGSL dated 28/12/2023	
3.	Số 03/2024/NQ-HĐQT	25/01/2024	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 (Đại hội). Approving convention of Annual General Meeting of Shareholders 2024 (AGM).	100%
4.	Số 04/2024/NQ-HĐQT	05/03/2024	Thông qua kết quả đấu thầu gói thầu số 01 “Cung cấp, lắp đặt thiết bị và xây dựng” thuộc dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam theo Tờ trình số 03/2024/TTr-BSGSL ngày 31/01/2024 Approved the bidding results for package No. 01 "Supply, installation of equipment and construction" of the investment project of brew house energy saving system at Saigon - Song Lam Brewery as per Proposal No. 3/2024/TTr-BSGSL dated 31/01/2024	100%
5.	Số 05/2024/NQ-HĐQT	20/03/2024	Thông qua đề xuất về việc ký kết hợp đồng, giao dịch với các tổ chức có liên quan năm 2024. Approve the proposal about signing transactions, contracts with related persons, organizations in 2024.	100%
6.	Số 06/2024/NQ-HĐQT	20/03/2024	Thông qua điều chỉnh ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Approved the adjustment of the date of the Annual General Meeting of Shareholders in 2024.	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Contents	Tỷ lệ thông qua Approval date
7.	Số 07/2024/NQ-HĐQT	20/03/2024	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023; Thông qua Kế hoạch năm 2024; Thông qua hồ sơ biểu quyết tại Đại hội. <i>Approved the Business performance of 2023; Approved the 2024 business plan; Approved AGM documents for voting.</i>	100%
8.	Số 07A/2024/NQ-HĐQT	20/03/2024	Thông qua đề xuất Kế hoạch Đầu tư năm 2024 <i>Approved the Investment plan in 2024</i>	100%
9.	Số 08/2024/NQ-HĐQT	27/03/2024	Thông qua đề xuất về việc ký kết và thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam với Công ty TNHH bất động sản Areco. <i>Approve the proposal to sign and implement contracts and transactions between Saigon - Song Lam Beer Joint Stock Company and Areco Realty Company Limited.</i>	100%
10.	Số 09/2024/NQ-HĐQT	10/04/2024	Thông qua hạn mức ngân sách thuê xe cho Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam. <i>Approve the Car Rental Budget Limit for the Board of Directors of Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company</i>	100%
11.	Số 10/2024/NQ-HĐQT	22/04/2024	Thông qua chủ trương sửa chữa bể yếm khí hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Sông Lam <i>Approve the policy of repairing the anaerobic tank of the wastewater treatment system at Saigon - Song Lam Brewery</i>	100%
12.	Số 11/2024/NQ-HĐQT	24/04/2024	Thông nhất chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt. <i>Approved of the record date for the payment of 2023 dividend in cash.</i>	100%
13.	Số 12/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Thông qua quyết toán hoàn thành công trình “Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái” của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam theo Tờ trình số 18/2024/Ttr-BSGSL. <i>Approval for finalization of completed project: “Installation of the rooftop solar power system” of Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company base on the Proposal No. 18/2024/Ttr-BSGSL.</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Contents	Tỷ lệ thông qua Approval date
14.	Số 13/2024/NQ-HĐQT	09/07/2024	Thông qua Chính sách Đào tạo của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam theo nội dung Tờ trình số 22/2024/TTr-BSGSL ngày 02/07/2024. <i>To Approve for Promulgating Training Policy of Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company with Proposal No. 22/2024/Ttr-BSGSL dated 02/07/2024.</i>	100%
15.	Số 14/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	Thông qua Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam theo nội dung Tờ trình số 23/2024/TTr-BSGSL ngày 05/07/2024. <i>Approved of promulgate the Regulation on information disclosure of Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company according to the Proposal No.23/2024/Ttr-BSGSL dated July 05, 2024.</i>	100%
16.	Số 15/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	Thông qua chủ trương Đầu tư và thành lập Tổ chuyên gia giúp việc thực hiện Dự án Silo chứa Malt, gạo và máy nghiền Barley tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam theo nội dung Tờ trình số 24/2024/TTr-BSGSL ngày 06/07/2024. <i>Approved the investment policy and establishing an expert team to implement the Malt and Rice Silo Project and Barley Mill at Saigon - Song Lam Brewery with Proposal No. 24/2024/Ttr-BSGSL dated 06/07/2024.</i>	100%
17.	Số 16/2024/NQ-HĐQT	29/07/2024	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Quý 2/2024 và lũy kế 6 tháng đầu năm. <i>Approved the report on business performance in Q2/2024 2024 and the first 6 months.</i>	100%
18.	Số 17/2024/NQ-HĐQT	07/08/2024	Thông nhất chốt danh sách cổ đông của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam để tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản. <i>Approval the record date to organize to collect shareholder's written opinions of Saigon – Song Lam Beer Joint Stock Company.</i>	100%
19.	Số 18/2024/NQ-HĐQT	07/08/2024	Thông qua thời gian tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Thông qua bộ tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu.	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Contents	Tỷ lệ thông qua Approval date
			Approved for the documents for collecting written opinion of shareholders; Approved for the vote counting committee and Vote counting supervisors; Approved for the time to organize to collect written opinions of shareholders.	
20.	Số 19/2024/NQ-HĐQT	20/11/2024	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD quý 3/2024, lũy kế 9 tháng đầu năm và ước thực hiện Quý 4/2024. Approved the report on business performance in Q3/2024, the first 9 months of 2024 and estimate of Q4/2024.	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Performance of the independent member of the Board of Directors:

Không có/ None

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

List of the Board of Directors' members with certificate on corporate governance:

Không có/ None

2. Ban Kiểm soát/ Board of supervisors

a. Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát (Tính tại ngày 31/12/2024)/ Member and Composition of the Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS Members of BOS	Chức vụ Position	Số lượng cổ phần sở hữu Number of shares hold	Tỷ lệ sở hữu (%) Percentage of holding (%)
1	Bà/Ms. Hoàng Thanh Vân	Trưởng Ban kiểm soát Head of BOS	0	0%
2	Bà/Ms. Nguyễn Thanh Thủy	TV. BKS Member of BOS	15.000	0,03%
3	Bà/Ms. Lưu Thanh Thảo	TV. BKS Member of BOS	0	0%

Lý lịch Ban Ban kiểm soát/ Profile of the Board of

➤ Bà/ Ms. Hoàng Thanh Vân/Trưởng Ban kiểm soát/ Head of BOS

- Năm sinh/ Year of birth: 1982
- Quốc tịch/ Nationality: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ Position in the company: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Position in other organizations:
 - Trưởng phòng cấp cao-Kế toán hợp nhất thuộc Ban Kế toán SABECO/ Senior Manager – Consolidating Accounting at SABECO Accounting Department..
 - Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Bía, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân / Board of Supervisor

of Sai Gon - Dong Xuan Beer Alcohol Joint Stock Company

- Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông / Board of Supervisor of SaiGon Beer Eastern Trading Joint Stock Company
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành/ Number of owned shares: 0 share, account for 0%.

➤ **Bà/ Ms. Lưu Thanh Thảo/ Thành viên BKS/ Member of BOS.**

- Năm sinh/ Year of birth: 1987
- Quốc tịch/ Nationality: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Cử nhân tài chính/ Bachelor of Finance
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ Position in the company: Thành viên BKS/ Member of BOS.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Position in other organizations:
 - Trợ lý Trưởng phòng hợp nhất – SABECO/ Manager assistant - Accounting department SABECO.
 - Ban kiểm soát Công ty CP Bia SG - Bến Tre/ Board of Supervisor of Saigon – Board of Supervisor of BenTre Beer Joint Stock Company.
 - Ban kiểm soát Công ty CP Bia SG - Lâm Đồng/ Board of Supervisor of Board of Supervisor of Saigon – Lam Dong Beer Joint Stock Company.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần phát hành/ Number of owned shares: 0 share, account for 0%.

➤ **Bà/ Ms. Nguyễn Thanh Thủy/ Thành viên BKS/ Member of BOS.**

- Năm sinh/ Year of birth: 1957
- Quốc tịch/ Nationality: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics
- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH/ Position in the company: Thành viên BKS/ Member of BOS.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác/ Position in other organizations:
 - Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh/ Board of Supervisor of Saigon - Nghe tinh Beer Joint Stock Company.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.03% tổng số cổ phần phát hành/ Number of owned shares: 15.000 share, account for 0,03%.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát/ Activities of the Board of Supervisors

Trong năm BKS tổ chức 02 cuộc họp kiểm soát.

The Supervisory Board held 02 control meetings.

Stt No.	Thành viên BKS Members of BOS	Số buổi họp tham dự Number of meetings BOS attended	Tỷ lệ tham dự họp Meeting attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp The reason for not attending the meeting
1	Bà/Ms. Hoàng Thanh Vân	02/02	100%	100%	
2	Bà/Ms. Nguyễn Thanh Thủy	02/02	100%	100%	
3	Bà/Ms. Lưu Thanh Thảo	02/02	100%	100%	

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ hằng năm, BKS thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty:

Pursuant to the Resolution of the annual General Meeting of Shareholders, the Board of Supervisors carried out comprehensive supervision of all aspects of the Company's operations to ensure:

- + *Tình hình tài chính trung thực, hợp lý;*
The Financial situation was truthful and appropriate;
- + *Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành;*
Accounting, statistics and recording work followed the prevailing standards and accounting law;
- + *Sự tuân thủ các quy chế quy định nội bộ; Sự chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty;*
Operating activities: Compliance with internal rules and regulations; Compliance with the provisions of the law relating to the activities;
- + *Kiến nghị các nội dung theo thẩm quyền;*
Suggest contents according to authority.

Trong năm, các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều có sự tham dự của đại diện Ban kiểm soát. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được ghi nhận và triển khai thực hiện

During the year, representatives of the Supervisory Board attended regular meetings of the Board of Directors. The petitions of the Supervisory Board have been noted and implemented.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Transactions, remunerations, benefits of the board of directors, the board of management, and the board of supervisors.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ Salaries, Bonuses, Remunerations, and other benefits.

STT No.	Họ và tên Full name	Chức vụ Position	Năm 2024			Ghi chú Note
			Thù lao Remunerations	Lương Salary	Thưởng Bonuses	
I	Hội đồng quản trị/ Board of Directors					
1	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT Chairman of BOD	130,000,000			
2	Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên Member	71,430,108			Miễn nhiệm từ/ Resigned from 14/10/2024
3	Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Member	91,000,000			
4	Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên Member	91,000,000			
5	Ông Cao Thanh Bích	Thành viên Member	91,000,000			
6	Ông Võ Phước Giàu	Thành viên Member	19,569,892			Bổ nhiệm từ/ Appointed from 14/10/2024
II	Ban kiểm soát/ Board of Supervisors					

1	Hoàng Thanh Vân	Trưởng BKS <i>Head of the BOS</i>	91,000,000			
2	Nguyễn Thanh Thuý	Thành viên <i>Member</i>	52,000,000			
3	Lưu Thanh Thảo	Thành viên <i>Member</i>	52,000,000			
III	Ban điều hành/ <i>Board of Management</i>		2,580,173,935			

- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ**
Share transactions made by internal persons, related persons of internal persons
 Không có/ *None*

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or Transactions with the internal persons.***

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Transactions between the Company and its related persons; or between the Company and major shareholders, its internal persons, related persons of internal persons.

Xem phụ lục số 01/ *See enclosed Appendix 01*

STT	Tên công ty	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy đăng ký kinh doanh	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú (ghi rõ tên loại giao dịch/hợp đồng, ví dụ: mua bán NVL, mua bán thành phẩm,...)
No.	Company	Relationship with company	Business Certificate No.	Address	Content, quantity, total transaction value	Notes
1	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn <i>Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation</i>	Công ty mẹ/ <i>Parent company</i>	0300583659 18/05/2022 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh <i>187 Nguyen Chi Thanh St, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 679,84 tỷ đồng. <i>Value: 679,84 billion VND</i>	Mua nguyên vật liệu/ <i>Sale of raw materials</i>
2	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn <i>Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation</i>	Công ty mẹ/ <i>Parent company</i>	0300583659 18/05/2022 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh <i>187 Nguyen Chi Thanh St, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 1.851,15 tỷ đồng <i>Value: 1.851.15 billion VND</i>	Bán thành phẩm/ <i>Purchases of goods</i>

				District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam		
3	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn <i>Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation</i>	Công ty mẹ/ <i>Parent company</i>	0300583659 18/05/2022 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh <i>187 Nguyen Chi Thanh St, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 263,6 triệu đồng <i>Value: 263,6 Mil VND</i>	Bán dịch vụ/ <i>Sell service</i> HĐ số: 1810/2024/HĐDV/SGSL-SAB; 0410/2024/HĐDV/SGSL-SAB
4	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn <i>Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation</i>	Công ty mẹ/ <i>Parent company</i>	0300583659 18/05/2022 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh <i>187 Nguyen Chi Thanh St, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 153,77 triệu đồng <i>Value: 153,77 Mil VND</i>	Thoả thuận số: 10.2024/SAB/ <i>Agreement No: 10.2024/SAB</i>
5	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn <i>Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation</i>	Công ty mẹ/ <i>Parent company</i>	0300583659 18/05/2022 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh <i>187 Nguyen Chi Thanh St, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 21,67 tỷ đồng <i>Value: 21,67 billion VND</i>	Cổ tức đã trả/ <i>Divid ends paid</i>
6	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn <i>Sai Gon Beer Trading Company Limited</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	0303140574 08/11/2023 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	12 Đồng Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh <i>12 Dong Du Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 6.262,76 triệu đồng <i>Value: 6.262,76 Mil VND</i>	Phí sử dụng bao bì/ <i>Packing usage fee</i>
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi <i>Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	4300338460 17/04/2023 Sở KHĐT Quảng Ngãi <i>DPI Quang Ngai</i>	Khu Công nghiệp Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi <i>Quang Phu Industrial Zone, Quang Phu Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province, Vietnam</i>	Giá trị 721,45 triệu đồng <i>Value: 721,45 Mil VND</i>	Mua nguyên vật liệu/ <i>Purchases of raw materials</i>
8	Công ty TNHH Một thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh <i>Sai Gon - Ha Tinh Beer One Member Company Limited</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	3001650260 22/05/2022 Sở KHĐT Hà Tĩnh <i>DPI Ha Tinh</i>	Km 12, đường tránh Tp. Hà Tĩnh, xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh <i>12th Kilometer bypass Ha Tinh City, Thach Tan Commune, Thach Ha District, Ha Tinh Province, Vietnam</i>	Giá trị 47,79 triệu đồng <i>Value: 47,79 Mil VND</i>	Bán nguyên vật liệu/ <i>Purchases of raw materials</i>

9	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SA BE CO <i>Sa Be Co Mechanical CO., LTD</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	0305815166 27/03/2023 Sở KHĐT TP. HCM/ <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh <i>215 Dao Duy Tu St, Ward 6, District 10, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị: 2.795,47 triệu đồng <i>Value: 2.795,47 Mil VND</i>	Mua dụng cụ/ <i>Purchases of tool and supplies</i> Mua nguyên vật liệu/ <i>Purchases of raw materials</i> Mua dịch vụ/ <i>Purchases of service</i> Mua tài sản cố định/ <i>Purchases of assets</i>
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ <i>Sai Gon Beer Bac Trung Bo Trading Joint Stock Company</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	2900740071 13/06/2023 Sở KHĐT TP. HCM <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	Khu công nghiệp Đông Vinh, Phường Đông Vinh, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An <i>Dong Vinh Small Industrial Zone, Dong Vinh Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam</i>	Giá trị 1.211,84 triệu đồng <i>Value: 1.211,84 Mil VND</i>	Mua hàng hóa/ <i>Purchases of goods</i>
11	Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương <i>Chuong Duong Beverages Joint Stock Company</i>	Người liên quan của người nội bộ/ <i>Related person of internal person</i>	0300584564 08/11/2023 Sở KHĐT TP. HCM <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM. <i>606 Vo Van Kiet St, Cau Kho Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị 98,56 triệu đồng <i>Value: 98,56 Mil VND</i>	Mua hàng hóa/ <i>Purchases of goods</i>
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh <i>Saigon - Nghetinh Beer Joint Stock Company</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	2900765728 03/11/2023 Sở KHĐT Nghệ An/ <i>DPI Nghệ An</i>	54 Phan Đăng Lưu, Phường Trương Thị, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An <i>54 Phan Dang Luu Street, Truong Thi Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam</i>	Giá trị 13,95 triệu đồng <i>Value: 13,95 Mil VND</i>	Bán hàng hóa/ <i>Sales of raw materials</i>
13	Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn <i>Saigon Beer Group Company Limited</i>	Người liên quan của người nội bộ/ <i>Related person of internal person</i>	0315251399 21/03/2022 Sở KHĐT TP. HCM <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh <i>187 Nguyen Chi Thanh St, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>	Giá trị 105,89 triệu đồng <i>Value: 105,89 Mil VND</i>	Mua hàng hóa/ <i>Purchases of goods</i>

14	Công ty CP Đầu tư Thái Bình <i>Thai Binh Investment Joint Stock Company</i>	Người liên quan của người nội bộ/ <i>Related person of internal person</i>	3700148737 13/06/2005 Sở KHĐT Bình Dương <i>DPI Binh Duong</i>	Số 5A, xa lộ Xuyên Á, An Bình, Dĩ An, Bình Dương <i>No. 5A, Trans-Asia Highway, An Binh, Di An, Binh Duong</i>	Thanh toán cổ tức: 1,17 tỷ đồng <i>Dividend payment: 1,17 billion VND</i>	Cổ tức đã trả/ <i>Dividends paid</i>
15	Công ty TNHH Bất động sản Areco <i>Areco Real Estate Company Limited</i>	Người liên quan của người nội bộ/ <i>Related person of internal person</i>	0312696199 22/06/2023 Sở KHĐT TP. HCM <i>DPI Ho Chi Minh city</i>	157 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. <i>157 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City</i>	Giá trị: 47 triệu đồng <i>Value: 47 mil VND</i>	Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services</i>
16	Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc tại Ninh Bình <i>Branch of Saigon Beer Trading Joint Stock Company in Ninh Binh</i>	Công ty có liên quan đến công ty mẹ/ <i>The company is related to the parent company</i>	01019481360 02 22/06/2006 Sở KHĐT Ninh Bình <i>DPI Ninh Binh</i>	SN 228, đường Trần Phú, phố Yết Kiêu, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình <i>SN 228, Tran Phu Street, Yet Kieu Street, Nam Thanh Ward, Ninh Binh City, Ninh Binh Province</i>	Giá trị: 5,74 triệu đồng <i>Value: 5,74 mil VND</i>	Mua hàng hóa/ <i>Purchases of goods</i>

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.

Transaction between the Company and related persons of the company; or between the company with major shareholders, internal persons, related persons of internal persons

Không có/ *None*

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Không có/ *None*

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Assessment on the Company's fulfilling corporate governance obligations*

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

The Company always complies with the legal regulations on corporate governance such as:

- + Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Bộ luật dân sự.
Law on Enterprises, Law on Securities, Civil Code
- + Các thông tư, quy định về quản trị công ty, hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
Circulars, regulations on corporate governance, guiding on information disclosure on the stock market.
- + Các văn bản luật có liên quan khác.
Other applicable legal documents.
- + Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
The Company specified regulations on governance in internal rules and regulations, including: The Company's operation regulations, internal regulations on corporate

governance, operational regulation of the Board of Directors and the Supervisory Board.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận thông tin đối với các nhà đầu tư, Công ty luôn thực hiện việc công bố thông tin trong năm 2024 một cách chính xác và kịp thời. Các báo cáo định kỳ cũng như các thông tin bất thường được đăng tải trên website của Công ty và công bố theo đúng quy định hiện hành. Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc cung cấp và công bố thông tin chính xác, đúng thời hạn, thể hiện trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành.

Aware of the importance of access to information to the investors, the Company always fulfills its obligation of information disclosure in 2024 accurately and timely. The Company's periodic reports as well as irregular information are posted on its website and disclosed in compliance with the laws. The Company always respect the shareholders' rights by informing and disclosing the information in accurate, and timely manner, of which the responsibility is taken by the Board of Directors and the Board of Management.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

FINANCIAL STATEMENTS

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Audited financial statements attached.

Nơi nhận:

- HNX: 
- Lưu: Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC

**LEGAL REPRESENTATIVE
DIRECTOR**



Nguyễn Hồng Anh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận

2703001077

ngày 20 tháng 12 năm 2006

Đăng ký Doanh nghiệp số

2900783332

ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester

Chủ tịch

Ông Văn Thanh Liêm

Thành viên

Ông Cao Thanh Bích

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Anh

Thành viên

Ông Võ Phước Giàu

Thành viên (từ ngày 15 tháng 10 năm 2024)

Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa

Thành viên (đến ngày 14 tháng 10 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên

Bà Lưu Thanh Thảo

Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Hồng Anh

Giám đốc

Ông Trần Quang Trung

Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2025)

Ông Văn Bá Thi

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Khối 1, Xã Hưng Đạo

Huyện Hưng Nguyên

Tỉnh Nghệ An

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 6 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00464-25-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		440.134.092.166	386.099.782.224
Tiền	110	5	50.433.344.833	28.575.511.984
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		259.500.000.000	249.717.653.857
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	259.500.000.000	249.717.653.857
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.403.538.455	42.794.167.861
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	42.436.283.535	38.594.478.260
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		352.803.776	213.671.266
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.614.451.144	3.986.018.335
Hàng tồn kho	140	9(a)	84.012.210.751	64.250.105.470
Hàng tồn kho	141		84.709.023.349	64.721.231.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(696.812.598)	(471.126.431)
Tài sản ngắn hạn khác	150		784.998.127	762.343.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		784.998.127	390.653.530
Thuế phải thu Nhà Nước	153		-	371.689.522
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		201.246.802.908	270.832.526.428
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		187.674.787.566	257.971.838.666
Tài sản cố định hữu hình	221	10	187.612.814.442	257.970.046.559
Nguyên giá	222		1.300.488.350.881	1.293.531.539.850
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.112.875.536.439)	(1.035.561.493.291)
Tài sản cố định vô hình	227	11	61.973.124	1.792.107
Nguyên giá	228		380.862.152	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(318.889.028)	(302.137.893)
Tài sản dở dang dài hạn	240		241.039.091	4.041.157.990
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	241.039.091	4.041.157.990
Tài sản dài hạn khác	260		13.300.976.251	8.789.529.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.059.357.056	708.114.502
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.346.262.609	2.294.335.615
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	4.895.356.586	5.787.079.655
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		641.380.895.074	656.932.308.652

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		133.146.238.020	154.067.624.035
Nợ ngắn hạn	310		132.974.238.020	153.416.993.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	21.186.921.920	16.204.745.318
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	97.167.571.524	102.171.228.035
Phải trả người lao động	314		2.261.149.994	2.341.137.385
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.589.389.521	7.753.698.596
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.746.205.061	4.180.877.501
Vay ngắn hạn	320	18	-	17.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	4.023.000.000	3.765.306.800
Nợ dài hạn	330		172.000.000	650.630.400
Phải trả dài hạn khác	337		-	500.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	150.630.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		508.234.657.054	502.864.684.617
Vốn chủ sở hữu	410	20	508.234.657.054	502.864.684.617
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.718.461.039	46.348.488.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.377.762.775	16.728.844.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		36.340.698.264	29.619.643.777
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		641.380.895.074	656.932.308.652

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	935.030.033.556	809.156.113.830
Giá vốn hàng bán	11	26	878.826.373.969	762.442.770.131
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		56.203.659.587	46.713.343.699
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	11.780.142.818	14.292.458.835
Chi phí tài chính	22		990.326.026	735.786.303
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		990.326.026	735.786.303
Chi phí bán hàng	25		1.263.270.614	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.991.709.389	17.405.844.312
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		50.738.496.376	42.864.171.919
Thu nhập khác	31		3.724.466	45.203.693
Chi phí khác	32		-	711.685.880
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.724.466	(666.482.187)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.742.220.842	42.197.689.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.430.449.572	9.094.788.034
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(51.926.994)	(196.742.079)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.363.698.264	33.299.643.777
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	808	670

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	50.742.220.842	42.197.689.732
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	77.330.794.283	77.907.438.909
Các khoản dự phòng	03	281.004.586	962.340.798
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(11.780.142.818)	(14.292.458.835)
Lãi từ tài sản cố định đã xóa sổ	05	-	562.500.000
Chi phí lãi vay	06	990.326.026	735.786.303
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	117.564.202.919	108.073.296.907
Biến động các khoản phải thu	09	(3.942.139.031)	(19.809.446.111)
Biến động hàng tồn kho	10	(19.130.017.198)	4.566.104.792
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(8.358.240.164)	19.356.439.177
Biến động chi phí trả trước	12	(1.750.468.252)	(466.005.844)
		84.383.338.274	111.720.388.921
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.018.690.410)	(739.641.097)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.744.424.088)	(4.609.026.273)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.236.032.627)	(4.282.343.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.384.191.149	102.089.378.254
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.638.723.412)	(5.244.583.872)
Tiền chi gửi tiền gửi tại ngân hàng	23	(565.300.000.000)	(228.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi tại ngân hàng	24	555.517.653.857	156.897.534.247
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.226.311.255	4.515.658.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	805.241.700	(71.831.391.577)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vay ngắn hạn	33	314.000.000.000	310.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(331.000.000.000)	(293.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(32.331.600.000)	(30.770.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.331.600.000)	(13.770.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	21.857.832.849	16.487.186.677
Tiền đầu năm	60	28.575.511.984	12.088.325.307
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	50.433.344.833	28.575.511.984

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 176 nhân viên (1/1/2024: 179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	509.235.007	622.640.007
Tiền gửi ngân hàng	49.924.109.826	27.952.871.977
	50.433.344.833	28.575.511.984

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi từ 4,7% đến 5,2% một năm (1/1/2024: từ 4,5% đến 5,2% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.496.087.134	38.028.310.220
Các khách hàng khác	940.196.401	566.168.040
	42.436.283.535	38.594.478.260

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.496.087.134	38.028.310.220

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải thu	2.407.060.685	3.884.998.291
Ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Khác	192.390.459	86.020.044
	2.614.451.144	3.986.018.335

9. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.015.624.857	-	130.840.000	-
Nguyên vật liệu	34.876.013.780	-	24.375.349.346	-
Công cụ và dụng cụ	884.151.523	(696.812.598)	1.944.494.833	(471.126.431)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.451.361.783	-	21.788.120.304	-
Thành phẩm	16.481.871.406	-	16.482.427.418	-
	84.709.023.349	(696.812.598)	64.721.231.901	(471.126.431)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	471.126.431	2.595.479.424
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	225.686.167	(232.534.311)
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	-	(1.891.818.682)
Số dư cuối năm	696.812.598	471.126.431

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	15.757.857.054	(10.862.500.468)	16.615.631.304	(10.828.551.649)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.828.551.649	7.720.488.258
Dự phòng trích lập trong năm	33.948.819	1.216.244.709
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.891.818.682
Số dư cuối năm	10.862.500.468	10.828.551.649

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.049.189.968.241	7.650.541.526	11.551.315.214	1.702.052.507	1.293.531.539.850
Tăng trong năm	-	1.063.860.000	720.000.000	919.570.000	-	2.703.430.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.530.894.590	-	-	-	4.530.894.590
Điều chỉnh khác	-	(277.513.559)	-	-	-	(277.513.559)
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.054.507.209.272	8.370.541.526	12.470.885.214	1.702.052.507	1.300.488.350.881
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	110.611.422.889	905.050.654.857	7.521.719.286	10.698.514.002	1.679.182.257	1.035.561.493.291
Khấu hao trong năm	10.506.486.614	66.251.888.023	205.741.931	331.791.580	18.135.000	77.314.043.148
Số dư cuối năm	121.117.909.503	971.302.542.880	7.727.461.217	11.030.305.582	1.697.317.257	1.112.875.536.439
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	112.826.239.473	144.139.313.384	128.822.240	852.801.212	22.870.250	257.970.046.559
Số dư cuối năm	102.319.752.859	83.204.666.392	643.080.309	1.440.579.632	4.735.250	187.612.814.442

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 27.873 triệu VND (1/1/2024: 22.683 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	303.930.000
Tăng trong năm	76.932.152
Số dư cuối năm	380.862.152
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	302.137.893
Khấu hao trong năm	16.751.135
Số dư cuối năm	318.889.028
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.792.107
Số dư cuối năm	61.973.124

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2024: 204 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.041.157.990	608.539.091
Tăng trong năm	4.725.894.590	3.995.118.899
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.530.894.590)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.995.118.899)	-
Xóa sổ	-	(562.500.000)
Số dư cuối năm	241.039.091	4.041.157.990

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nâng cấp công suất nhà máy	195.000.000	-
Nâng cấp hệ thống rửa chai	-	1.897.599.514
Nâng cấp hệ thống ghép mí mắt Ferrum	-	1.619.694.341
Khác	46.039.091	523.864.135
	241.039.091	4.041.157.990

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	298.001.812	-	410.112.690	708.114.502
Tăng trong năm	270.259.093	3.090.703.562	140.649.714	3.501.612.369
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.995.118.899	-	3.995.118.899
Phân bổ trong năm	(275.783.682)	(1.464.775.961)	(404.929.071)	(2.145.488.714)
Số dư cuối năm	292.477.223	5.621.046.500	145.833.333	6.059.357.056

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.134.381.466	5.111.323.284
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	3.294.944.220	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.209.120.772	766.513.900
Công ty TNHH Thịnh Đức	543.065.600	2.387.320.000
Công ty TNHH Krones Việt Nam	-	1.851.505.040
Các nhà cung cấp khác	9.005.409.862	6.088.083.094
	21.186.921.920	16.204.745.318

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.134.381.466	5.111.323.284
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	813.022.520	126.694.600
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	399.108.280	36.717.463
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	61.398.000	46.656.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.095.934.996	926.868.238.748	(931.170.665.597)	-	82.793.508.147
Thuế giá trị gia tăng	11.351.302.935	185.414.964.556	(117.987.655.611)	(68.829.115.099)	9.949.496.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.698.881.967	10.430.449.572	(9.744.424.088)	-	4.384.907.451
Thuế thu nhập cá nhân	25.108.137	1.007.405.002	(992.853.994)	-	39.659.145
Thuế khác	-	1.225.866.721	(854.177.199)	(371.689.522)	-
	102.171.228.035	1.124.946.924.599	(1.060.749.776.489)	(69.200.804.621)	97.167.571.524

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.252.204.586
Chi phí xây dựng	397.108.833	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	968.440.486	1.567.094.020
	5.589.389.521	7.753.698.596

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	2.559.900.000	3.391.500.000
Ký quỹ đã nhận	35.000.000	535.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	151.305.061	254.377.501
	2.746.205.061	4.180.877.501

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND
Vay ngắn hạn	17.000.000.000	314.000.000.000	(331.000.000.000)
			-

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.765.306.800	3.518.022.260
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	4.023.000.000	3.680.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(529.274.173)	849.627.837
Sử dụng trong năm	(3.236.032.627)	(4.282.343.297)
Số dư cuối năm	4.023.000.000	3.765.306.800

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	33.299.643.777	33.299.643.777
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.680.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 19)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.363.698.264	40.363.698.264
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.023.000.000)	(4.023.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 19)	-	-	529.274.173	529.274.173
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	51.718.461.039	508.234.657.054

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

22. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 18.000 triệu VND đã được tạm ứng cho cổ đông trong năm 2022).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	1.599.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	5.406.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	36.241.949.250	37.480.990.250
	43.247.154.250	43.676.195.250

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	68.591.686.360	54.083.250.635
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	455.000.000	-
	69.046.686.360	54.083.250.635

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	924.284.512.272	802.893.469.981
▪ Bán phế liệu và doanh thu khác	10.745.521.284	6.262.643.849
	935.030.033.556	809.156.113.830

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Bán thành phẩm	878.303.138.743	761.250.836.206
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	259.634.986	983.710.398
Giá vốn khác	263.600.240	208.223.527
	878.826.373.969	762.442.770.131

27. Doanh thu tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	11.780.142.818	14.292.458.835

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	6.912.861.258	8.822.472.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.935.085.258	3.038.557.856
Chi phí khấu hao	650.585.144	852.976.153
Chi phí quản lý khác	3.493.177.729	4.691.837.576
	14.991.709.389	17.405.844.312

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	726.597.612.328	612.228.985.685
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.330.794.283	77.907.438.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.852.238.766	43.097.166.773
Chi phí nhân công và nhân viên	36.593.583.146	33.722.424.706
Chi phí khác	6.375.668.093	7.777.565.690

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	10.430.449.572	9.022.779.598
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	72.008.436
	10.430.449.572	9.094.788.034
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(51.926.994)	(196.742.079)
	10.378.522.578	8.898.045.955

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.742.220.842	42.197.689.732
Thuế theo thuế suất của Công ty	10.148.444.168	8.439.537.946
Chi phí không được khấu trừ thuế	230.078.410	386.499.573
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	72.008.436
	10.378.522.578	8.898.045.955

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	40.363.698.264	33.299.643.777
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(4.023.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	529.274.173
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	36.340.698.264	30.148.917.950

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại thành 670 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 658 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.851.152.751.020	1.621.122.513.990
Bán nguyên vật liệu	-	226.478.513
Bán dịch vụ	263.600.240	208.223.527
Mua dịch vụ	153.768.000	-
Mua nguyên vật liệu	679.839.585.374	555.215.450.994
Cổ tức được công bố	21.665.000.000	9.285.000.000
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	21.665.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua dịch vụ	6.262.758.908	5.585.549.612
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	496.713.700	356.656.652
Mua nguyên vật liệu	158.765.000	418.168.780
Mua dịch vụ	1.603.913.000	902.677.000
Mua tài sản cố định	536.080.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hoá	1.211.842.350	1.156.057.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình		
Cổ tức được công bố	1.166.666.900	500.000.100
Cổ tức đã trả	1.166.666.900	1.166.666.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	721.450.000	303.200.000
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	116.483.840	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	98.564.512	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán công cụ dụng cụ	47.791.670	-
Mua nguyên vật liệu	-	178.250.000
Công ty TNHH Bất động sản Areco		
Mua dịch vụ	47.055.750	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hoá	5.738.400	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hoá	-	82.604.780
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	-	32.364.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	130.000.000	32.500.000
Ông Neo Gim Siong Bennett – Chủ tịch	-	97.500.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Võ Phước Giàu – Thành viên	19.569.892	-
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	71.430.108	54.347.220
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	-	36.652.780
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ban Điều hành		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.580.173.935	1.985.197.534

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	4.980.933.330	-

34. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 31, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc



Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Financial Statements
for the year ended 31 December 2024



Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Corporate Information

Investment Certificate No. 271110000018 7 December 2007

The investment certificate was issued by the People's Committee of Nghe An Province and is valid for 50 years from the initial investment certificate.

Enterprise Registration Certificate No. 2703001077 20 December 2006
 2900783332 5 September 2023

The Company's enterprise registration certificate has been amended several times, the most recent of which is by Enterprise Registration Certificate No. 2900783332 dated 5 September 2023. The initial enterprise registration certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province.

Board of Directors

Mr. Tan Teck Chuan Lester	Chairman
Mr. Van Thanh Liem	Member
Mr. Cao Thanh Bich	Member
Mr. Nguyen Hong Anh	Member
Mr. Vo Phuoc Giao	Member (from 15 October 2024)
Mr. Vuong Nguyen Dang Khoa	Member (until 14 October 2024)

Board of Supervisors

Ms. Hoang Thanh Van	Head of Board of Supervisors
Ms. Nguyen Thanh Thuy	Member
Ms. Luu Thanh Thao	Member

Board of Management

Mr. Nguyen Hong Anh	Director
Mr. Tran Quang Trung	Deputy Director (until 31 January 2025)
Mr. Van Ba Thi	Chief Accountant

Registered Office

Block 1, Hung Dao Commune
 Hung Nguyen District
 Nghe An Province
 Vietnam

Auditor

KPMG Limited
 Vietnam

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company Statement of the Board of Management

The Board of Management of Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company ("the Company") presents this statement and the accompanying financial statements of the Company for the year ended 31 December 2024.

The Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of the financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

- (a) the financial statements set out on pages 5 to 34 give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2024 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



Nguyen Hong Anh
Director

Nghe An Province, 6 March 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To the Shareholders Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the balance sheet as at 31 December 2024, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 6 March 2025, as set out on pages 5 to 34.

Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.



Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company as at 31 December 2024 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City

Vietnam

Audit Report No.: 24-01-00464-25-1



Trần Tích Quyên
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 4629-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 6 March 2025

Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1



Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Balance sheet as at 31 December 2024

Form B 01 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		440,134,092,166	386,099,782,224
Cash	110	5	50,433,344,833	28,575,511,984
Short-term financial investments	120		259,500,000,000	249,717,653,857
Held-to-maturity investments	123	6	259,500,000,000	249,717,653,857
Accounts receivable – short-term	130		45,403,538,455	42,794,167,861
Accounts receivable from customers	131	7	42,436,283,535	38,594,478,260
Prepayments to suppliers	132		352,803,776	213,671,266
Other short-term receivables	136	8	2,614,451,144	3,986,018,335
Inventories	140	9(a)	84,012,210,751	64,250,105,470
Inventories	141		84,709,023,349	64,721,231,901
Allowance for inventories	149		(696,812,598)	(471,126,431)
Other current assets	150		784,998,127	762,343,052
Short-term prepaid expenses	151		784,998,127	390,653,530
Taxes receivable from State Treasury	153		-	371,689,522
Long-term assets (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		201,246,802,908	270,832,526,428
Accounts receivable – long-term	210		30,000,000	30,000,000
Other long-term receivables	216		30,000,000	30,000,000
Fixed assets	220		187,674,787,566	257,971,838,666
Tangible fixed assets	221	10	187,612,814,442	257,970,046,559
Cost	222		1,300,488,350,881	1,293,531,539,850
Accumulated depreciation	223		(1,112,875,536,439)	(1,035,561,493,291)
Intangible fixed assets	227	11	61,973,124	1,792,107
Cost	228		380,862,152	303,930,000
Accumulated amortisation	229		(318,889,028)	(302,137,893)
Long-term work in progress	240		241,039,091	4,041,157,990
Construction in progress	242	12	241,039,091	4,041,157,990
Other long-term assets	260		13,300,976,251	8,789,529,772
Long-term prepaid expenses	261	13	6,059,357,056	708,114,502
Deferred tax assets	262		2,346,262,609	2,294,335,615
Long-term tools, supplies and spare parts	263	9(b)	4,895,356,586	5,787,079,655
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		641,380,895,074	656,932,308,652

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Balance sheet as at 31 December 2024 (continued)

Form B 01 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		133,146,238,020	154,067,624,035
Current liabilities	310		132,974,238,020	153,416,993,635
Accounts payable to suppliers	311	14	21,186,921,920	16,204,745,318
Taxes payable to State Treasury	313	15	97,167,571,524	102,171,228,035
Payables to employees	314		2,261,149,994	2,341,137,385
Accrued expenses	315	16	5,589,389,521	7,753,698,596
Other short-term payables	319	17	2,746,205,061	4,180,877,501
Short-term borrowings	320	18	-	17,000,000,000
Bonus and welfare fund	322	19	4,023,000,000	3,765,306,800
Long-term liabilities	330		172,000,000	650,630,400
Other long-term payables	337		-	500,000,000
Provision – long-term	342		172,000,000	150,630,400
EQUITY (400 = 410)	400		508,234,657,054	502,864,684,617
Owners' equity	410	20	508,234,657,054	502,864,684,617
Share capital	411	21	450,000,000,000	450,000,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		450,000,000,000	450,000,000,000
Investment and development fund	418	23	6,516,196,015	6,516,196,015
Retained profits	421		51,718,461,039	46,348,488,602
- Retained profits brought forward	421a		15,377,762,775	16,728,844,825
- Retained profit for the year	421b		36,340,698,264	29,619,643,777
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		641,380,895,074	656,932,308,652

6 March 2025

Prepared by:


Van Ba Thi
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Hong Anh
Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Statement of income for the year ended 31 December 2024

Form B 02 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code Note	2024 VND	2023 VND
Revenue from sales of goods	01 25	935,030,033,556	809,156,113,830
Cost of sales	11 26	878,826,373,969	762,442,770,131
Gross profit (20 = 01 - 11)	20	56,203,659,587	46,713,343,699
Financial income	21 27	11,780,142,818	14,292,458,835
Financial expenses	22	990,326,026	735,786,303
<i>In which: Interest expense</i>	23	990,326,026	735,786,303
Selling expenses	25	1,263,270,614	-
General and administration expenses	26 28	14,991,709,389	17,405,844,312
Net operating profit {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	50,738,496,376	42,864,171,919
Other income	31	3,724,466	45,203,693
Other expenses	32	-	711,685,880
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40	3,724,466	(666,482,187)
Accounting profit before tax (50 = 30 + 40)	50	50,742,220,842	42,197,689,732
Income tax expense – current	51 30	10,430,449,572	9,094,788,034
Income tax benefit – deferred	52 30	(51,926,994)	(196,742,079)
Net profit after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60	40,363,698,264	33,299,643,777
Earnings per share			(Restated)
Basic earnings per share	70 31	808	670

6 March 2025

Prepared by:


Van Ba Thi
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Hong Anh
Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method)

Form B 03 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	2024 VND	2023 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Accounting profit before tax	01	50,742,220,842	42,197,689,732
Adjustments for			
Depreciation and amortisation	02	77,330,794,283	77,907,438,909
Allowances and provisions	03	281,004,586	962,340,798
Interest income	05	(11,780,142,818)	(14,292,458,835)
Losses from construction in progress written off	05	-	562,500,000
Interest expense	06	990,326,026	735,786,303
Operating profit before changes in working capital	08	117,564,202,919	108,073,296,907
Change in receivables	09	(3,942,139,031)	(19,809,446,111)
Change in inventories	10	(19,130,017,198)	4,566,104,792
Change in payables and other liabilities	11	(8,358,240,164)	19,356,439,177
Change in prepaid expenses	12	(1,750,468,252)	(466,005,844)
		84,383,338,274	111,720,388,921
Interest paid	14	(1,018,690,410)	(739,641,097)
Corporate income tax paid	15	(9,744,424,088)	(4,609,026,273)
Other payments for operating activities	17	(3,236,032,627)	(4,282,343,297)
Net cash flows from operating activities	20	70,384,191,149	102,089,378,254
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets	21	(2,638,723,412)	(5,244,583,872)
Placements of term deposits at banks	23	(565,300,000,000)	(228,000,000,000)
Collections of term deposits at banks	24	555,517,653,857	156,897,534,247
Receipts of interests	27	13,226,311,255	4,515,658,048
Net cash flows from investing activities	30	805,241,700	(71,831,391,577)

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method – continued)

Form B 03 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	2024 VND	2023 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from short-term borrowings	33	314,000,000,000	310,000,000,000
Payments to settle loan principals	34	(331,000,000,000)	(293,000,000,000)
Payments of dividends	36	(32,331,600,000)	(30,770,800,000)
Net cash flows from financing activities	40	(49,331,600,000)	(13,770,800,000)
Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	50	21,857,832,849	16,487,186,677
Cash at the beginning of the year	60	28,575,511,984	12,088,325,307
Cash at the end of the year (70 = 50 + 60) (Note 5)	70	50,433,344,833	28,575,511,984

6 March 2025

Prepared by:



Van Ba Thi
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Hong Anh
Director

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements.

1. Reporting Entity

(a) Ownership structure

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company ("the Company") is incorporated as a joint stock company in Vietnam.

On 16 June 2017, the Company's shares were officially traded on the unlisted public companies market (UPCOM) of the Hanoi Stock Exchange in accordance with Decision No. 421/QĐ-SGDHN dated 8 June 2017 of the Hanoi Stock Exchange with the code of BSL.

(b) Principal activities

The principal activities of the Company are to produce and trade beer products.

(c) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

(d) Company structure

As at 31 December 2024, the Company had 176 employees (1/1/2024: 179 employees).

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for Enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

(b) Basis of measurement

The financial statements, except for the statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(d) Accounting and presentation currency

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for financial statements presentation purpose.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the statement of income.

(b) Cash

Cash comprises cash balances and call deposits.

(c) Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are those that the Company's management has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments are term deposits at banks held to maturity and stated at costs.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

(e) Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a weighted average basis and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost in the case of finished goods and work in progress includes raw materials, direct labour and attributable manufacturing overheads. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and estimated costs to sell.

The Company applies the perpetual method of accounting for inventories.

(f) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair and maintenance and overhauls cost, is charged to the statement of income in the year in which the costs are incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

▪ buildings and structures	10 – 25 years
▪ machinery and equipment	5 – 15 years
▪ motor vehicles	6 years
▪ office equipment	3 – 5 years
▪ others	6 years

(g) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised on a straight-line basis over 3 years.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(h) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible fixed assets which have not been fully completed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction.

(i) Long-term prepaid expenses

(i) Tools and instruments

Tools and instruments include assets held for use by the Company in the normal course of business whose costs of individual items are less than VND30 million and therefore not qualified for recognition as fixed assets under prevailing regulation. Cost of tools and instruments are amortised on a straight-line basis over 2 years.

(ii) Maintenance expenses

Maintenance expenses are initially stated at cost. Maintenance expenses are amortised on a straight-line basis over 3 years.

(j) Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their costs.

(k) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

(l) Share capital

Ordinary shares

Ordinary shares are stated at par value. Excess of cash receipt from shares issue over par value is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects, are recognised as a deduction from share premium.

(m) Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using the tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(n) Revenue and other income

(i) Goods sold

Revenue from the sales of goods is recognised in the statement of income when significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or possible return of goods. Revenue on sales of goods is recognised at the net amount after deducting sales discounts stated on the invoice.

(ii) Interest income

Interest income is recognised in the statement of income on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

(o) Operating lease payments

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense, over the term of the lease.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(p) Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense in the year in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying assets, in which case the borrowing costs incurred during the year of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

(q) Segment reporting

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Company's primary format for segment reporting is based on business segments.

(r) Earnings per share

The Company presents basic earnings per share ("EPS") for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by dividing the profit or loss attributable to the ordinary shareholders (after deducting any amounts appropriated to bonus and welfare fund for the annual accounting period) of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

The Company did not have potentially dilutive shares and therefore does not present diluted earnings per share.

(s) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

(t) Comparative information

Comparative information in these financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year is included as an integral part of the current year financial statements and is intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current year. Accordingly, the comparative information included in these financial statements is not intended to present the Company's financial position, results of operation or cash flows for the prior year.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***4. Segment reporting**

The Company's principal business activities are to produce and trade beers. Other activities are to trade products relating to beer production processes. During the year, other business activities accounted for an insignificant proportion of total revenue and operating results of the Company. Accordingly the financial information presented in the balance sheets as at 31 December 2024 and 1 January 2024 and the revenue and expenses presented in the statements of income for the years ended 31 December 2024 and 31 December 2023 were mainly related to the Company's principal business activities.

Geographically, the Company only operates in the territory of Vietnam.

5. Cash

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cash on hand	509,235,007	622,640,007
Cash in banks	49,924,109,826	27,952,871,977
	50,433,344,833	28,575,511,984

6. Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments represented term deposits at banks with original terms to maturity of more than three months from their transaction dates and remaining terms to maturity of not greater than twelve months from the reporting date. These term deposits were denominated in VND and earned interest at rates ranging from 4.7% to 5.2% per annum (1/1/2024: from 4.5% to 5.2% per annum).

7. Accounts receivable from customers**(a) Accounts receivable from customers detailed by significant customers**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	41,496,087,134	38,028,310,220
Other customers	940,196,401	566,168,040
	42,436,283,535	38,594,478,260

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(b) Accounts receivable from a related party

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	41,496,087,134	38,028,310,220

The trade related amounts due from the parent company were unsecured, interest free and are receivable upon demand.

8. Other short-term receivables

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Interest receivable	2,407,060,685	3,884,998,291
Deposits	15,000,000	15,000,000
Others	192,390,459	86,020,044
	2,614,451,144	3,986,018,335

9. Inventories

(a) Inventories

	31/12/2024		1/1/2024	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Goods in transit	8,015,624,857	-	130,840,000	-
Raw materials	34,876,013,780	-	24,375,349,346	-
Tools and supplies	884,151,523	(696,812,598)	1,944,494,833	(471,126,431)
Work in progress	24,451,361,783	-	21,788,120,304	-
Finished goods	16,481,871,406	-	16,482,427,418	-
	84,709,023,349	(696,812,598)	64,721,231,901	(471,126,431)

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

Movements of allowance for inventories during the year were as follows:

	2024 VND	2023 VND
• Opening balance	471,126,431	2,595,479,424
• Allowance made/(reversed) during the year	225,686,167	(232,534,311)
• Transfer to allowance for long-term tools, supplies and spare parts	-	(1,891,818,682)
Closing balance	696,812,598	471,126,431

(b) Long-term tools, supplies and spare parts

	31/12/2024		1/1/2024	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Long-term tools, supplies and spare parts	15,757,857,054	(10,862,500,468)	16,615,631,304	(10,828,551,649)

Movements of allowance for long-term tools, supplies and spare parts during the year were as follows:

	2024 VND	2023 VND
Opening balance	10,828,551,649	7,720,488,258
Allowance made during the year	33,948,819	1,216,244,709
Transfer from allowance for inventories	-	1,891,818,682
Closing balance	10,862,500,468	10,828,551,649

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

10. Tangible fixed assets

Cost	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Others VND	Total VND
Opening balance	223,437,662,362	1,049,189,968,241	7,650,541,526	11,551,315,214	1,702,052,507	1,293,531,539,850
Additions	-	1,063,860,000	720,000,000	919,570,000	-	2,703,430,000
Transfer from construction in progress	-	4,530,894,590	-	-	-	4,530,894,590
Other adjustments	-	(277,513,559)	-	-	-	(277,513,559)
Closing balance	223,437,662,362	1,054,507,209,272	8,370,541,526	12,470,885,214	1,702,052,507	1,300,488,350,881
Accumulated depreciation						
Opening balance	110,611,422,889	905,050,654,857	7,521,719,286	10,698,514,002	1,679,182,257	1,035,561,493,291
Charge for the year	10,506,486,614	66,251,888,023	205,741,931	331,791,580	18,135,000	77,314,043,148
Closing balance	121,117,909,503	971,302,542,880	7,727,461,217	11,030,305,582	1,697,317,257	1,112,875,536,439
Net book value						
Opening balance	112,826,239,473	144,139,313,384	128,822,240	852,801,212	22,870,250	257,970,046,559
Closing balance	102,319,752,859	83,204,666,392	643,080,309	1,440,579,632	4,735,250	187,612,814,442

Included in tangible fixed assets as at 31 December 2024 were assets costing VND27,873 million (1/1/2024: VND22,683 million) which were fully depreciated but still in active use.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***11. Intangible fixed assets**

	Software VND
Cost	
Opening balance	303,930,000
Additions	76,932,152
Closing balance	380,862,152
Accumulated amortisation	
Opening balance	302,137,893
Charge for the year	16,751,135
Closing balance	318,889,028
Net book value	
Opening balance	1,792,107
Closing balance	61,973,124

Included in intangible fixed assets as at 31 December 2024 were assets costing VND304 million (1/1/2024: VND204 million) which were fully amortised but still in active use.



Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

12. Construction in progress

	2024 VND	2023 VND
Opening balance	4,041,157,990	608,539,091
Additions during the year	4,725,894,590	3,995,118,899
Transfer to tangible fixed assets	(4,530,894,590)	-
Transfer to long-term prepaid expenses	(3,995,118,899)	-
Written off	-	(562,500,000)
Closing balance	241,039,091	4,041,157,990

Major constructions in progress were as follows:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Upgrade of factory capacity	195,000,000	-
Upgrade of bottle washing systems	-	1,897,599,514
Upgrade of Ferrum eyelid grafting systems	-	1,619,694,341
Others	46,039,091	523,864,135
	241,039,091	4,041,157,990

13. Long-term prepaid expenses

	Tools and instruments VND	Maintenance expenses VND	Others VND	Total VND
Opening balance	298,001,812	-	410,112,690	708,114,502
Additions	270,259,093	3,090,703,562	140,649,714	3,501,612,369
Transfer from construction in progress	-	3,995,118,899	-	3,995,118,899
Amortisation for the year	(275,783,682)	(1,464,775,961)	(404,929,071)	(2,145,488,714)
Closing balance	292,477,223	5,621,046,500	145,833,333	6,059,357,056

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***14. Accounts payable to suppliers****(a) Accounts payable to suppliers detailed by significant suppliers**

	Cost/Amount within repayment capacity	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	7,134,381,466	5,111,323,284
Bach Khoa Thermal and Refrigeration Mechanical Company Limited	3,294,944,220	-
Thai Tan Transport and Trading Company Limited	1,209,120,772	766,513,900
Thinh Duc Company Limited	543,065,600	2,387,320,000
Krones Vietnam Company Limited	-	1,851,505,040
Other suppliers	9,005,409,862	6,088,083,094
	21,186,921,920	16,204,745,318

(b) Accounts payable to suppliers who are related parties

	Cost/Amount within repayment capacity	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	7,134,381,466	5,111,323,284
<i>Related companies</i>		
Sa Be Co Mechanical Co., Ltd	813,022,520	126,694,600
Sai Gon Beer Trading Company Limited	399,108,280	36,717,463
Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company	61,398,000	46,656,000

The trade related amounts due to the related parties were unsecured, interest free and are payable within 30 days from invoice date.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 - DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

15. Taxes payable to State Treasury

	I/1/2024 VND	Incurred VND	Paid VND	Net-off VND	31/12/2024 VND
Special sales tax	87,095,934,996	926,868,238,748	(931,170,665,597)	-	82,793,508,147
Value added tax	11,351,302,935	185,414,964,556	(117,987,655,611)	(68,829,115,099)	9,949,496,781
Corporate income tax	3,698,881,967	10,430,449,572	(9,744,424,088)	-	4,384,907,451
Personal income tax	25,108,137	1,007,405,002	(992,853,994)	-	39,659,145
Other taxes	-	1,225,866,721	(854,177,199)	(371,689,522)	-
	102,171,228,035	1,124,946,924,599	(1,060,749,776,489)	(69,200,804,621)	97,167,571,524

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

16. Accrued expenses

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Interest expense	4,223,840,202	4,252,204,586
Construction costs	397,108,833	1,934,399,990
Others	968,440,486	1,567,094,020
	5,589,389,521	7,753,698,596

17. Other short-term payables

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dividends payable	2,559,900,000	3,391,500,000
Deposits received	35,000,000	535,000,000
Others	151,305,061	254,377,501
	2,746,205,061	4,180,877,501

18. Short-term borrowings

	1/1/2024 Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND	Movements during the year		31/12/2024 Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND
		Increase VND	Decrease VND	
Short-term borrowings	17,000,000,000	314,000,000,000	(331,000,000,000)	-

19. Bonus and welfare fund

This fund is established by appropriating from retained profits as approved by the shareholders at the General Meeting of shareholders. This fund is used to pay bonus and welfare to the Company's employees in accordance with the Company's bonus and welfare policies.

Movements of bonus and welfare fund during the year were as follows:

	2024 VND	2023 VND
Opening balance	3,765,306,800	3,518,022,260
Appropriation during the year (Note 20)	4,023,000,000	3,680,000,000
Adjustments to bonus and welfare fund (Note 20)	(529,274,173)	849,627,837
Utilisation	(3,236,032,627)	(4,282,343,297)
Closing balance	4,023,000,000	3,765,306,800

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company
Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

20. Changes in owners' equity

	Share capital VND	Investment and development fund VND	Retained profits VND	Total VND
Balance as at 1 January 2023	450,000,000,000	6,516,196,015	31,078,472,662	487,594,668,677
Net profit for the year	-	-	33,299,643,777	33,299,643,777
Dividends (Note 22)	-	-	(13,500,000,000)	(13,500,000,000)
Appropriation to bonus and welfare fund (Note 19)	-	-	(3,680,000,000)	(3,680,000,000)
Adjustments to 2022 bonus and welfare fund (Note 19)	-	-	(849,627,837)	(849,627,837)
Balance as at 1 January 2024	450,000,000,000	6,516,196,015	46,348,488,602	502,864,684,617
Net profit for the year	-	-	40,363,698,264	40,363,698,264
Dividends (Note 22)	-	-	(31,500,000,000)	(31,500,000,000)
Appropriation to bonus and welfare fund (Note 19)	-	-	(4,023,000,000)	(4,023,000,000)
Adjustments to 2023 bonus and welfare fund (Note 19)	-	-	529,274,173	529,274,173
Balance as at 31 December 2024	450,000,000,000	6,516,196,015	51,718,461,039	508,234,657,054

21. Share capital

The Company's authorised and issued share capital are:

	31/12/2024 and 1/1/2024	
	Number of shares	VND
Authorised and issued share capital		
Ordinary shares	45,000,000	450,000,000,000
Shares in circulation		
Ordinary shares	45,000,000	450,000,000,000

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets.

There was no movement in share capital for the years ended 31 December 2024 and 31 December 2023.

22. Dividends

The Annual General Meeting of shareholders of the Company on 19 April 2024 resolved to declare dividends amounting to VND31,500 million (equivalent to VND700 per share) from retained profits of 2023 (2023: VND31,500 million (equivalent to VND700 per share) from retained profits of 2022, in which VND18,000 million was advanced to shareholders in 2022).

23. Investment and development fund

Investment and development fund was appropriated from retained profits in accordance with the resolution of the General Meeting of shareholders. This fund was established for the purpose of future business expansion.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***24. Off balance sheet items****(a) Lease**

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Within one year	1,599,041,000	1,239,041,000
From two to five years	5,406,164,000	4,956,164,000
More than five years	36,241,949,250	37,480,990,250
	43,247,154,250	43,676,195,250

(b) Capital expenditure commitments

At the reporting date, the Company had the following outstanding capital commitments approved but not provided for in the balance sheet:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Approved but not contracted	68,591,686,360	54,083,250,635
Approved and contracted	455,000,000	-
	69,046,686,360	54,083,250,635

25. Revenue from sales of goods

Total revenue represents the gross value of goods sold, exclusive of value added tax and special sales tax.

	2024 VND	2023 VND
Total revenue		
▪ Sales of finished goods	924,284,512,272	802,893,469,981
▪ Sales of scraps and others	10,745,521,284	6,262,643,849
	935,030,033,556	809,156,113,830

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***26. Cost of sales**

	2024 VND	2023 VND
Finished goods sold	878,303,138,743	761,250,836,206
Allowance for inventories, long-term tools, supplies and spare parts	259,634,986	983,710,398
Others	263,600,240	208,223,527
	878,826,373,969	762,442,770,131

27. Financial income

	2024 VND	2023 VND
Interest income from term deposits	11,780,142,818	14,292,458,835

28. General and administration expenses

	2024 VND	2023 VND
Staff costs	6,912,861,258	8,822,472,727
Outside services	3,935,085,258	3,038,557,856
Depreciation	650,585,144	852,976,153
Others	3,493,177,729	4,691,837,576
	14,991,709,389	17,405,844,312

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***29. Production and business costs by elements**

	2024 VND	2023 VND
Raw material costs included in production costs	726,597,612,328	612,228,985,685
Depreciation and amortisation	77,330,794,283	77,907,438,909
Outside services	50,852,238,766	43,097,166,773
Labour and staff costs	36,593,583,146	33,722,424,706
Others	6,375,668,093	7,777,565,690

30. Corporate income tax**(a) Recognised in the statement of income**

	2024 VND	2023 VND
Current tax expense		
Current year	10,430,449,572	9,022,779,598
Under provision in prior years	-	72,008,436
	10,430,449,572	9,094,788,034
Deferred tax benefit		
Origination and reversal of temporary differences	(51,926,994)	(196,742,079)
	10,378,522,578	8,898,045,955

(b) Reconciliation of effective tax rate

	2024 VND	2023 VND
Accounting profit before tax	50,742,220,842	42,197,689,732
Tax at the Company's tax rate	10,148,444,168	8,439,537,946
Non-deductible expenses	230,078,410	386,499,573
Under provision in prior years	-	72,008,436
	10,378,522,578	8,898,045,955

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***(c) Applicable tax rate**

Under the Corporate Income Tax Law, the Company has an obligation to pay the government income tax at the rate of 20% of taxable profits.

31. Basic earnings per share

The calculation of basic earnings per share for the year ended 31 December 2024 was based on the net profit attributable to ordinary shareholders after deducting the amounts appropriated to bonus and welfare fund and a weighted average number of ordinary shares, calculated as follows:

(i) Net profit attributable to ordinary shareholders

	2024 VND	2023 VND (Restated)
Net profit for the year	40,363,698,264	33,299,643,777
Appropriation to bonus and welfare fund (*)	(4,023,000,000)	(3,680,000,000)
Adjustments to bonus and welfare fund (**)	-	529,274,173
Net profit attributable to ordinary shareholders	36,340,698,264	30,148,917,950

(*) The appropriation to bonus and welfare fund was estimated based on the budgeted amount approved by shareholders at the Annual General Meeting of shareholders.

(**) The appropriation to bonus and welfare fund for the year ended 31 December 2023 was restated based on the actual appropriation which was approved by shareholders at the Annual General Meeting of shareholders. Accordingly, basic earnings per share for the year ended 31 December 2023 has been restated to VND670 per share based on the adjusted amount appropriated to bonus and welfare fund (as previously reported: VND658 per share).

(ii) Weighted average number of ordinary shares

There was no movement in the number of shares for the years ended 31 December 2024 and 31 December 2023. The weighted average number of ordinary shares used to calculate the basic earnings per share for two presented periods is 45,000,000 shares.

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***32. Significant transactions with related parties**

In addition to the related party balances disclosed in other notes to the financial statements, the Company had the following significant transactions with related parties during the year:

	Transaction value	
	2024 VND	2023 VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation		
Sales of finished goods (inclusive of special sales tax)	1,851,152,751,020	1,621,122,513,990
Sales of raw materials	-	226,478,513
Sales of services	263,600,240	208,223,527
Purchases of services	153,768,000	-
Purchases of raw materials	679,839,585,374	555,215,450,994
Dividends declared	21,665,000,000	9,285,000,000
Dividends paid	21,665,000,000	21,665,000,000
<i>Other related parties</i>		
Sai Gon Beer Trading Company Limited		
Purchases of services	6,262,758,908	5,585,549,612
Sa Be Co Mechanical Co., Ltd		
Purchases of tools and supplies	496,713,700	356,656,652
Purchases of raw materials	158,765,000	418,168,780
Purchases of services	1,603,913,000	902,677,000
Purchases of fixed assets	536,080,000	-
Saigon Bac Trung Bo Beer Trading Joint Stock Company		
Purchases of goods	1,211,842,350	1,156,057,110
Thai Binh Investment Joint Stock Company		
Dividends declared	1,166,666,900	500,000,100
Dividends paid	1,166,666,900	1,166,666,900
Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company		
Purchases of raw materials	721,450,000	303,200,000
Saigon Beer Group Company Limited		
Purchases of goods	116,483,840	-
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company		
Purchases of goods	98,564,512	-

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company**Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Transaction value	
	2024 VND	2023 VND
Sai Gon - Ha Tinh Beer One Member Company Limited		
Sales of tools and supplies	47,791,670	-
Purchases of raw materials	-	178,250,000
Areco Realty Company Limited		
Purchases of services	47,055,750	-
Northern Saigon Beer Trading Joint Stock Company		
Purchases of goods	5,738,400	-
Saigon Beer Mien Trung Trading Joint Stock Company		
Purchases of goods	-	82,604,780
Binh Tay Liquor Joint Stock Company		
Purchases of goods	-	32,364,000
Board of Directors		
<i>Fees</i>		
Mr. Tan Teck Chuan Lester – Chairman	130,000,000	32,500,000
Mr. Neo Gim Siong Bennett – Chairman	-	97,500,000
Mr. Van Thanh Liem – Member	91,000,000	91,000,000
Mr. Cao Thanh Bich – Member	91,000,000	91,000,000
Mr. Nguyen Hong Anh – Member	91,000,000	91,000,000
Mr. Vo Phuoc Giau – Member	19,569,892	-
Mr. Vuong Nguyen Dang Khoa – Member	71,430,108	54,347,220
Mr. Le Xuan Son – Member	-	36,652,780
Board of Supervisors		
<i>Fees</i>		
Ms. Hoang Thanh Van – Head of Board of Supervisors	91,000,000	91,000,000
Ms. Nguyen Thanh Thuy – Member	52,000,000	52,000,000
Ms. Luu Thanh Thao – Member	52,000,000	52,000,000
Board of Management		
Remuneration	2,580,173,935	1,985,197,534

Saigon - Songlam Beer Joint Stock Company

Notes to the financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B 09 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

33. Non-cash investing activities

	2024	2023
	VND	VND
Cost of fixed assets acquired but not paid yet	4,980,933,330	-

34. Comparative information

Except for the restatement of basic earnings per share as disclosed in Note 31, the comparative information as at 1 January 2024 was derived from the balances and amounts reported in the Company's financial statements as at and for the year ended 31 December 2023.

6 March 2025

Prepared by:


Van Ba Thi
Chief Accountant

Approved by:


Nguyen Hong Anh
Director